

Số: 21 /TTr-HĐQT

Nhon Trạch, ngày 06 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc: Các nội dung xin thông qua và phê duyệt tại
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2) quyết định triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 vào thứ Năm ngày 19/04/2018 tại Grand Hotel Saigon - Số 08 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty các nội dung xin thông qua/phê duyệt tại Đại hội như sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 của Hội đồng quản trị (*Báo cáo số 08/CPNT2-BC-HĐQT ngày 15/03/2018 của HĐQT*);
2. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty (*Chi tiết Phần I, Tờ trình số 13/TTr-CPNT2 ngày 08/03/2018 của Công ty*);
3. Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2018 của Công ty (*Chi tiết Phần II, Tờ trình số 13/TTr-CPNT2 ngày 08/03/2018*);
4. Báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát năm 2017 và kế hoạch công tác năm 2018 của Ban kiểm soát (*Báo cáo số 04/BC-CPNT2-BKS ngày 05/03/2018 của BKS*);
5. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán;
6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch lợi nhuận năm 2018 (*Tờ trình số 21/TTr-CPNT2 ngày 19/03/2018 của Công ty*);
7. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (*Tờ trình số 28/TTr-CPNT2 ngày 06/04/2018*);
8. Danh sách các đơn vị đề lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 (*Đề xuất số 10/ĐX-CPNT2-BKS ngày 05/03/2018 của BKS*);
9. Bầu cử bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị (*Thông báo đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị PVPower NT2 số 20/TB-CPNT2-HĐQT ngày 06/04/2018*).

(Các tài liệu báo cáo, tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Công ty và Thông báo đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Quý Cổ đông vui lòng truy cập website của Công ty: <http://www.pvpnt2.vn>)

Kính đề nghị Quý vị cổ đông xem xét, cho ý kiến và biểu quyết các nội dung như nêu trên tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của PVPower NT2 vào ngày 19/04/2018.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.



Uông Ngọc Hải

Số: 08 /CPNT2-BC-HĐQT

Nhơn Trạch, ngày 15 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2017 &
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Quý Cổ đông

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ phương hướng nhiệm vụ năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty đã được cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 27/04/2017;

Căn cứ Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Quyết định số 27/QĐ-CPNT2 ngày 09/05/2017 và Hội đồng quản trị phê duyệt tại Quyết định số 30/QĐ-CPNT2 ngày 12/05/2017;

Trên cơ sở kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và của Công ty, Hội đồng quản trị kính báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 như sau:

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2017

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:

1.1 Quan hệ với cổ đông:

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 27/04/2017 với sự tham dự của 138 cổ đông, đại diện cho 243.775.166 cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ 84,68%. Tại Đại hội, Cổ đông đã thông qua các nội dung chủ yếu như Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 & kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017, Báo cáo tài chính đã kiểm toán, Điều lệ tổ chức & hoạt động sửa đổi lần IX ..., đồng thời Đại hội cũng tiến hành bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2017-2022);

- Cung cấp đầy đủ tài liệu, báo cáo, nghị quyết / quyết định của Đại hội cổ đông cho các cổ đông.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông và Ủy ban chứng khoán theo đúng quy định.

- Hàng tháng Công ty đều có thông báo bằng tiếng Việt và tiếng Anh gửi đến các cổ đông và nhà đầu tư về tổng hợp kết quả thực hiện hoạt động SXKD trong tháng và kế hoạch SXKD trong tháng kế tiếp để các cổ đông và nhà đầu tư cập nhật tình hình hoạt động của

Công ty, tạo niềm tin cho cổ đông và nhà đầu tư.

1.2 Việc ban hành và chỉ đạo thực hiện các Quyết định, Nghị quyết, Quy chế và Quy định:

Hội đồng quản trị rất khẩn trương, kịp thời thực hiện các thủ tục xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản các nội dung theo đề xuất của Công ty để phê duyệt và ban hành các nghị quyết/quyết định theo đề xuất của Công ty, làm cơ sở pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty thực hiện tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã ban hành 29 nghị quyết và 73 quyết định, trong đó có các nghị quyết/quyết định ban hành theo sự ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên liên quan đến kế hoạch SXKD, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức... để làm căn cứ cho Công ty triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

- Quyết định số 22/QĐ-CPNT2 ngày 27/04/2017 phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVPower NT2 lần thứ IX;
- Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 04/05/2017 phê duyệt sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty;
- Quyết định số 26/QĐ-CPNT2 ngày 05/05/2017 phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty;
- Quyết định số 27/QĐ-CPNT2 ngày 09/05/2017 phê duyệt Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty;
- Nghị quyết số 08/NQ-CPNT2 ngày 27/04/2017 thông qua việc Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVPower NT2 lần IX;
- Nghị quyết số 11/NQ-CPNT2 ngày 27/04/2017 Công nhận Trưởng Ban kiểm soát đối với Ông Nguyễn Hữu Minh;

1.3 Tình hình hoạt động:

Năm 2017, kết thúc nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị Khóa II (2012-2017). Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty được triệu tập ngày 27/04/2017, các cổ đông đã tiến hành bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Khóa III, nhiệm kỳ 2017-2022. Cơ cấu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới như sau:

- | | | |
|-----|---------------------------|-----------------------------------|
| (1) | Ông Uông Ngọc Hải | Chủ tịch (hoạt động chuyên trách) |
| (2) | Bà Nguyễn Thị Hà | Ủy viên (hoạt động chuyên trách) |
| (3) | Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | Ủy viên |
| (4) | Ông Lương Ngọc Anh | Ủy viên |
| (5) | Ông Phan Đại Thành | Ủy viên |

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới hoạt động rất tích cực, hiệu quả. Ngay sau khi được bầu tại Đại hội, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới đã tổ chức họp phiên đầu tiên để bầu chọn Chủ tịch Hội đồng quản trị và sau đó ngày 30/05/2017, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã triệu tập phiên họp lần II để thông qua một số nội dung liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022. Tại cuộc họp, các Ủy viên cũng đã thống nhất với Bảng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị, làm cơ sở thực hiện công việc với mục tiêu đạt hiệu quả cao nhất.

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2017 vừa qua của Hội đồng quản trị như sau:

- Triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và các kỳ họp Hội đồng quản trị theo đúng quy định;
- Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ và bất thường, thực hiện nghiêm túc việc cho ý kiến, biểu quyết độc lập về các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty theo đề xuất của Ban điều hành để thống nhất ra quyết định làm cơ sở cho Công ty triển khai thực hiện, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.
- Chỉ đạo công tác vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 luôn đảm bảo an toàn và hiệu quả. Vào lúc 22h15 ngày 26/10/2017 Nhà máy đã đạt mốc sản lượng 30 tỷ kWh điện thương phẩm phát lên lưới điện quốc gia sau 06 năm vận hành thương mại toàn bộ Nhà máy (16/10/2011).
- Năm 2017, nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Công ty là thực hiện công tác đại tu lần thứ I Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 tại 50.000 EOH. Theo kế hoạch, Công ty sẽ triển khai thực hiện công tác đại tu từ ngày 01/09/2017 đến 06/10/2017 nên ngay từ đầu năm, Hội đồng quản trị tập trung xem xét, phê duyệt công tác mua sắm vật tư thiết bị phục vụ đại tu Nhà máy nhằm đảm bảo việc mua sắm được thực hiện đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả và kịp thời. Giám sát, chỉ đạo các nội dung công việc liên quan đến công tác đại tu, trực tiếp theo dõi, kiểm tra và xử lý các phát sinh trong quá trình thực hiện theo đúng quy định trong suốt thời gian đại tu Nhà máy. Toàn bộ công tác đại tu Nhà máy thực hiện trong thời gian 32 ngày, vượt tiến độ 06 ngày, đảm bảo chất lượng và an toàn tuyệt đối. Sau kết thúc đại tu, tổng công suất nhà máy tăng thêm 24 MW, Nhà máy được đưa vào vận hành ổn định, hiệu quả cao;
- Bên cạnh đó, việc mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty, của Nhà máy cũng rất được quan tâm, Hội đồng quản trị cũng đã ban hành các quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư, thiết bị để Công ty triển khai thực hiện công tác mua sắm đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và kịp thời phục vụ hoạt động SXKD của Công ty cũng như phục vụ vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong năm 2017.
- Phê duyệt và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong năm 2017 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý vận hành Nhà máy và tối ưu hoá hiệu quả SXKD;
- Phê duyệt điều chỉnh tăng vốn điều lệ của PVPower NT2 do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Vốn điều lệ thực tại của Công ty là 2.878.760.290.000 đồng;
- Phê duyệt và ban hành các quy định, quy chế nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành như: Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVPower NT2 sửa đổi lần thứ X, Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển Khoa học & công nghệ; Quy chế quản lý tài chính.
- Chỉ đạo hoàn tất việc trả nợ gốc và lãi vay trước hạn 02 hợp đồng tín dụng “Tái tài trợ dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2” do HDBank và VPBank tài trợ;
- Chỉ đạo Công ty thực hiện tốt việc thu hồi và thanh toán công nợ trong và ngoài nước kịp thời;

- Thực hiện việc giám sát, kiểm tra các hoạt động của Ban điều hành và của Công ty đúng chức năng của Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty và theo Luật doanh nghiệp.

1.4 Thực hiện chi trả thù lao cho Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát kiêm nhiệm:

Tổng số tiền thù lao chi trả cho các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kiêm nhiệm năm 2017 là: **188.000.000 đồng**, trong đó:

- + Trả thù lao cho Thành viên HĐQT kiêm nhiệm là: 128.000.000 đồng (4.000.000 đồng/người/tháng).
- + Trả thù lao cho Thành viên BKS kiêm nhiệm là: 60.000.000 đồng (2.500.000 đồng /người/tháng).

2. Giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty:

Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty thực hiện công tác sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty tuân thủ theo quyết định/nghị quyết của ĐHCĐ/Hội đồng quản trị và các quy định hiện hành.

2.1 Kết quả hoạt động:

- Chỉ đạo Công ty vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hoạt động hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh. Đặc biệt, công tác chuẩn bị phục vụ cho kỳ đại tu Nhà máy điện được Ban giám đốc chú trọng, quan tâm, chỉ đạo sát sao từng công việc cụ thể nên Công ty rất chủ động trong quá trình sửa chữa lớn từ nhân sự, vật tư cho đến những phát sinh ngoài kế hoạch. Do đó, công tác đại tu Nhà máy hoàn thành vượt tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả mặc dù đây là lần thực hiện đại tu đầu tiên của Công ty.

- Triển khai thực hiện Mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện theo kế hoạch mua sắm được Hội đồng quản trị phê duyệt tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành, đảm bảo chất lượng và tiết kiệm chi phí. Trong năm 2017, Công ty đã triển khai thực hiện công tác mua sắm tài sản, trang thiết bị và dịch vụ với tổng giá trị là 216 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch.

- Ban điều hành Công ty thực hiện công tác tài chính, quản lý vốn theo quy chế, quy định đã được Hội đồng quản trị phê duyệt. Chế độ báo cáo công tác tài chính được Công ty thực hiện nghiêm túc, kịp thời.

- Thực hiện tốt việc cân đối dòng tiền, trả nợ khoản vay trong nước và quốc tế đầy đủ và đúng hạn.

- Công tác An sinh xã hội được thực hiện tích cực, đúng chủ trương, thủ tục trước khi triển khai chương trình.

2.2 Kết quả tình hình sản xuất điện:

- Đảm bảo vận hành Nhà máy điện hiệu quả và an toàn;

- Nhà máy đã đạt mốc sản lượng 30 tỷ kWh điện thương phẩm phát lên lưới điện Quốc gia vào ngày 26/10/2017, sau 06 năm vận hành thương mại.

- Sản lượng điện lũy kế kể từ ngày phát điện đến hết năm 2017 là: 30,9 tỷ kWh.

- Tổng sản lượng điện sản xuất trong năm 2017 là: 4,338 tỷ kWh; đạt 97,5% so với kế hoạch.

2.3 **Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính:**

- Tổng Doanh thu: 6.826 tỷ đồng, đạt 105% so với kế hoạch;
- Lợi nhuận sau thuế: 810 tỷ đồng, đạt 118% so với kế hoạch;
- Nộp NSNN: 367 tỷ đồng, đạt 142% so với kế hoạch;
- Cổ tức: tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 10%/mệnh giá.

(Chi tiết được thể hiện tại báo cáo tổng kết SXKD năm 2017 của Công ty)

3. **Đánh giá chung:**

Năm 2017 là mốc đáng ghi nhớ đối với PVPower NT2 – Đánh dấu chặng đường 10 năm hình thành và phát triển của Công ty:

- Sự kiện kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty;
- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới, khóa III (2017-2022);
- Công ty đã thực hiện thành công công tác đại tu lần đầu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 tại 50.000 EOH sau 32 ngày, hoàn thành vượt tiến độ 06 ngày, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và an toàn tuyệt đối, giá trị thực hiện thấp hơn so với dự toán được phê duyệt.
- Nhơn Trạch 2 cán mốc sản lượng 30 tỷ kWh điện phát lên lưới điện Quốc gia sau 06 năm vận hành thương mại.

Năm 2017 vừa qua, tình hình khó khăn chung đã gây không ít khó khăn, thách thức cho hoạt động SXKD của PVPower NT2: khí hậu diễn biến phức tạp, giá thị trường thấp, tỷ giá ngoại tệ nhất là đồng EUR biến động bất thường, ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ; bên cạnh đó Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 còn phải dừng máy để thực hiện công tác đại tu theo kế hoạch.

Trước những khó khăn đó, Công ty luôn chủ động, linh hoạt và cân nhắc lấy lợi ích chung của Cổ đông làm mục tiêu, cân đối giữa chỉ tiêu sản lượng điện phù hợp với tối đa hóa lợi nhuận nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và Nhà đầu tư. Nên năm 2017, mặc dù sản lượng điện không đạt đúng theo kế hoạch nhưng doanh thu, lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn đảm bảo, thậm chí vượt kế hoạch đề ra.

II. **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2018**

Năm 2018 Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018: Thời gian dự kiến đại hội vào ngày 19/04/2018.
2. Kế hoạch nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:
 - Chỉ đạo thực hiện các thủ tục bổ nhiệm và công bố thông tin việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty theo đúng quy định;
 - Phê duyệt và chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua kịp thời và hiệu quả;
 - Chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty an toàn, hiệu quả và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội cổ đông thông qua;
 - Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong năm 2018 cho Nhà máy điện

Nhon Trạch 2 và giám sát việc thực hiện sản xuất điện theo Định mức kinh tế - kỹ thuật đã được ban hành để quản lý vật tư thiết bị và kiểm soát chi phí trong vận hành nhà máy nhằm tăng cường hiệu quả trong SXKD của Công ty;

- Phê duyệt giá trị quyết toán chi phí công tác đại tu Nhà máy điện Nhon Trạch 2;
- Chỉ đạo công tác tiêu tu Nhà máy điện Nhon Trạch 2 vào tháng 07/2018 hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo an toàn, hiệu quả;
- Chỉ đạo Công ty thực hiện tốt việc thu hồi và thanh toán công nợ kịp thời;
- Phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị phục vụ sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy trong năm 2018;
- Chỉ đạo Công ty chú trọng công tác thị trường điện, đáp ứng phương án vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh thí điểm năm 2018 theo chỉ đạo của Bộ công thương;
- Thực hiện việc giám sát, kiểm tra các hoạt động của Ban điều hành và của Công ty đúng chức năng của HĐQT theo Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và theo Luật doanh nghiệp;

3. Kế hoạch thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018

Dự kiến tổng thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm năm 2018 là: 204.000.000 đồng, trong đó:

- + Trả thù lao cho Thành viên HĐQT: 144.000.000 đồng (4.000.000 đồng/ng/tháng)
- + Trả thù lao cho Thành viên BKS: 60.000.000 đồng (2.500.000 đồng/ng/tháng)

Trên đây là báo cáo thực hiện năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ 2018 của Hội đồng quản trị công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính chúc Quý vị Cổ đông một năm nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Uông Ngọc Hải

Số 13 /TTr-CPNT2

Nhon Trạch, ngày 08 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Kính gửi: Quý cổ đông
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty)

Thực hiện chỉ đạo tại công văn số 04/CPNT2-HĐQT ngày 27/02/2018 của HĐQT Công ty về việc chuẩn bị tài liệu phục vụ Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, Công ty kính trình Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018 với các nội dung như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được sửa đổi ban hành ngày 26/12/2017 theo Quyết định số 68/QĐ-CPNT2 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.
- Nghị quyết số 175/NQ-ĐLKD-HĐTV ngày 28/12/2017 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Công văn số 04/CPNT2-HĐQT ngày 27/02/2018 của HĐQT Công ty về chuẩn bị tài liệu phục vụ Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2018.

II. NỘI DUNG

1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2017

Năm 2017 là năm tình hình kinh tế diễn biến phức tạp, mưa kéo dài, giá Thị trường điện thấp và các Nhà máy Thủy điện được ưu tiên huy động nên việc cạnh tranh trong thị trường điện gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 còn phải dừng máy để thực hiện Đại tu trong 32 ngày. Tuy nhiên, Công ty vẫn nỗ lực hết mình để vượt qua những thách thức nêu trên và tiếp nối truyền thống là một trong những đơn vị đứng đầu của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam luôn luôn đạt thành tích cao trong những năm trước. Vì vậy, Ban Lãnh đạo đã thường xuyên đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện để có những điều chỉnh phù hợp, kịp thời. Nhờ đó, các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác vận hành, thị trường điện, thương mại, kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng, công tác tài chính và công tác khác của Công ty luôn chuyển biến tích cực và rõ nét. Kết quả tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017 như sau:

- Đạt mốc sản lượng điện 30 tỷ kWh vào ngày 26/10/2017 sau 06 năm vận hành thương mại.
- Lũy kế sản lượng điện từ khi vận hành đến hết ngày 31/12/2017 là 30.91 tỷ kWh.
- Sản lượng điện năm 2017 là 4,337.39 Tr. kWh, đạt 97.5% KH 2017.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền phục vụ SXKD và tất toán trước hạn 2 hợp đồng vay trong nước là 287,797,033,267 VND; Trả nợ vay nước ngoài năm 2017 là 25,127,737.19 USD, 22,689,733.91 EUR, tương ứng 1,165,791,556,410 VNĐ; Tạm ứng cổ tức 10% vào ngày 25/10/2017 (tương ứng 287 tỷ đồng); Thanh toán cổ tức 16% năm 2016 (tương ứng 460 tỷ đồng).
- Tổng doanh thu là 6,825.58 tỷ đồng, vượt 5.3% KH năm 2017; Lợi nhuận sau thuế là 810.41 tỷ đồng vượt 18% KH năm 2017.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định. Nộp ngân sách nhà nước là 367.32 tỷ đồng, vượt 42% KH năm 2017.
- Công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ đại tu 2017 đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối vượt tiến độ 6 ngày (trong 32 ngày), không có tai nạn gây thiệt hại về người và thiết bị. Sau đại tu các tổ máy vận hành tin cậy, liên tục và công suất nhà máy tăng thêm 24 MW so với trước đại tu. Đặc biệt, chi phí Đại tu đề nghị quyết toán là 187,544,148,925 đồng (không có phát sinh lớn trong đại tu, chi phí thực hiện thấp hơn so với dự toán là 41%).
- Thực hiện tốt công tác tiết kiệm và chống lãng phí năm 2017.
- Công tác vận hành, công tác tham gia thị trường điện và các công tác khác được thực hiện tốt và mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công ty.
- Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

Tóm lại, năm 2017, Công ty đạt được những kết quả hết sức ấn tượng: đạt và vượt các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao; vinh dự nhận được (i) Doanh nghiệp vì người lao động năm 2017; (ii) Vinh danh Doanh nghiệp phát triển bền vững tiêu biểu năm 2017; (iii) Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2017; (iv) Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2017; (v) Xếp thứ 123 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017.

(Chi tiết theo Phụ lục 1-Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 đính kèm).

2. Kế hoạch SXKD năm 2018

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm 2017 và nhận định tình hình kinh tế năm 2018 tiếp tục diễn biến phức tạp, phục hồi chậm, còn nhiều rủi ro, khả năng huy động thị trường cạnh tranh gay gắt, hệ số phân bổ Qc thấp,... Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 một cách thận trọng như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	4,600

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018
2	Khối lượng khí	Tr.Sm3	847
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6,971
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	6,182
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	789
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	749
7	Cổ tức dự kiến	%	25

(Chi tiết theo Phụ lục 2- Kế hoạch SXKD năm 2018 đính kèm).

III. KẾT LUẬN

Công ty kính trình HĐQT xem xét thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018 để Công ty làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

Trân trọng.

Nơi nhận:

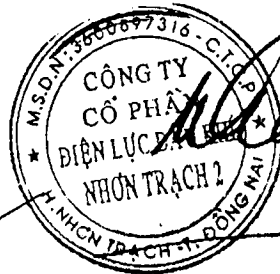
- Như trên;
- Các P.GĐ;
- Các Phòng chức năng/PXVH;
- Lưu VT.

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Báo cáo kết quả SXKD năm 2017;
- Phụ lục 2: Kế hoạch SXKD năm 2018.

(Handwritten signatures and initials)

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Ngô Đức Nhân

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2017

Hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) diễn ra trong bối cảnh các yếu tố tác động tích đến sản xuất trong nước có xu hướng cải thiện rõ rệt nhưng tình hình thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực đến tình hình thực tế sản xuất của NT2 dẫn đến chỉ tiêu sản lượng điện thực hiện chỉ đạt 97.5% KH 2017.

Nhận thức được những khó khăn trong năm 2017, Ban Lãnh đạo đã thường xuyên đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện để có những điều chỉnh kịp thời. Nhờ đó, các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác vận hành, thị trường điện, thương mại, kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng, công tác tài chính và công tác khác của NT2 chuyển biến tích cực và rõ nét. Kết quả tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	Tỷ lệ (%)
A	B	C	(1)	(2)	(3=2/1)
1	Sản lượng điện	Triệu kWh	4,450	4,337.39	97.5%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6,479.45	6,825.58	105.3%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	5,762.73	5,737.45	99.6%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	723.07	853.44	118%
4.1	LN SXKD chưa bao gồm CLTG đánh giá lại cuối kỳ	Tỷ đồng	716.71	1,088.13	151.8%
4.2	CLTG đánh giá lại cuối kỳ	Tỷ đồng	6.4	(234.69)	-
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	686.92	810.41	118%
6	NNSNN	Tỷ đồng	259.21	367.32	142%
7	Tỷ lệ cổ tức	%	25	Theo Tờ trình đính kèm	

(Xem Biểu 1 – Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017 đính kèm)

Đánh giá:

Mặc dù, Sản lượng điện năm 2017 chỉ đạt 97.5% KH 2017; tỷ giá ngoại tệ đặc biệt là đồng EUR biến động tăng cao, dẫn đến khoản CLTG lỗ 290.45 tỷ đồng (trong đó CLTG đánh giá lại cuối kỳ lỗ 234.69 tỷ đồng và khoản tỷ giá thực hiện trong năm là lỗ 55.76 tỷ đồng). Sự biến động về tỷ giá này đã trực tiếp làm giảm chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2017 chỉ vượt 18% KH 2017 (trong khi lợi nhuận SXKD vượt 51.8%). Điều này thể hiện sự điều chỉnh kịp thời của Ban Lãnh đạo Công ty trong việc điều hành SXKD năm 2017 cũng như sự nỗ lực của tập thể CBCNV NT2 trong việc phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD cơ bản của Công ty. Cụ thể như sau:

- Lũy kế sản lượng điện từ khi vận hành đến hết ngày 31/12/2017 là 30.91 tỷ kWh.
- Sản lượng điện năm 2017 là 4,337.39 Tr. kWh, đạt 97.5% KH 2017. Tỷ lệ sản lượng điện năm 2017 đạt thấp là do: Nhà máy thực hiện công tác Đại tu 32 ngày, tình hình thời tiết bất lợi, mưa nhiều trên diện rộng và kéo dài liên tục cả trong mùa khô, các nhà máy Thủy điện liên tục được huy động tối đa để xả lũ (Sơn La, Hòa Bình phải mở cửa xả đáy), các nhà máy nhiệt điện cạnh tranh chào giá rất thấp để đảm bảo sản lượng điện kế hoạch.
- Tổng doanh thu vượt 5.3% KH năm 2017; Lợi nhuận sau thuế vượt 18% KH năm 2017.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định. Nộp ngân sách nhà nước vượt 42% KH năm 2017.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017 THEO LĨNH VỰC

1. Công tác vận hành sản xuất

- Công tác vận hành của NT2 luôn đảm bảo an toàn, được huy động công suất cao góp phần hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản lượng điện năm 2017 được giao; Công suất phát bình quân cả năm 2017 là 70.8%.
- Công tác tham gia thị trường điện cạnh tranh được thực hiện tốt, đảm bảo tối ưu công tác vận hành nhằm mang đến hiệu quả nhất về các chỉ tiêu SXKD năm 2017 về doanh thu, lợi nhuận. Đồng thời luôn phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác thanh toán (khí, điện) nghiêm túc, đúng thời gian quy định. Tiếp tục nghiên cứu và triển khai thực hiện thị trường phát điện cạnh tranh để đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2. Công tác kỹ thuật và bảo dưỡng sửa chữa

- Công tác quản lý kỹ thuật bảo trì sửa chữa luôn được NT2 đặc biệt chú trọng quan tâm sát sao. NT2 đã triển khai xây dựng các quy trình quản lý kỹ thuật, rà soát hoàn thiện các quy trình liên quan đến công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, định mức kinh tế kỹ thuật các nhà máy điện nhằm tiết kiệm và tối ưu hóa cho NT2.
- Công tác bảo dưỡng thường xuyên, đột xuất nhà máy được NT2 bám sát và thực hiện nghiêm túc; NT2 luôn giám sát và hỗ trợ các đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên và đột xuất Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

3. Công tác thương mại hợp đồng

- Hợp đồng mua bán điện được thực hiện tốt, công tác phối hợp và xử lý với các bên chặt chẽ, đảm bảo kiểm tra và thanh toán tiền điện hàng tháng cho NT2 đúng thời gian quy định. Ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung 09 ngày 01/02/2018 giữa NT2 và EPTC/EVN về thanh toán tiền chênh lệch tỷ giá năm 2015.
- Hợp đồng mua bán Khí: Công tác phối hợp vận hành và xử lý sự cố đã được các bên phối hợp chặt chẽ, kiểm tra và thanh toán nhiên liệu khí được thực hiện nghiêm túc.
- Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn được thực hiện một cách nghiêm túc đầy đủ, công tác bảo dưỡng thường xuyên hàng tháng được PVPS thực hiện tốt nhằm đảm bảo góp phần

hoàn thành tốt công tác Đại tu trong năm 2017 vượt tiến độ 6 ngày (trong 32 ngày thực hiện).

- Công tác mua sắm vật tư trang thiết bị: Đã tiến hành mua sắm vật tư thiết bị phục vụ công tác Đại tu và SXKD năm 2017 theo quy định hiện hành và quản lý hợp đồng theo tiến độ đã ký kết, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017. Tổng giá trị mua sắm và dịch vụ năm 2017 là 215.76 tỷ đồng, đạt 81% KH 2017.

4. Công tác tài chính kế toán

- Thực hiện tốt công tác phân loại thu hồi công nợ tiền điện. Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán, trả nợ vay.
- Lập báo cáo tài chính đầy đủ, chính xác và kịp thời. Thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác quản lý chi tiêu đảm bảo có hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm.
- Cân đối dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh và trả các khoản vay đến hạn của NT2 và đảm bảo trả khoản vay quốc tế đúng tiến độ.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền phục vụ SXKD và tất toán trước hạn 2 hợp đồng vay trong nước là 287,797,033,267 VND; Trả nợ vay nước ngoài năm 2017 là 25,127,737.19 USD, 22,689,733.91 EUR, tương ứng 1,165,791,556,410 VNĐ; Tạm ứng cổ tức 10% vào ngày 25/10/2017 (tương ứng 287 tỷ đồng); Thanh toán cổ tức 16% năm 2016 (tương ứng 460 tỷ đồng).

5. Công tác đào tạo và khoa học công nghệ

a) Công tác đào tạo:

- Số lao động cuối kỳ năm 2017 là 186 người.
- Công tác đào tạo năm 2017 là 447 lượt người với chi phí là 1.90 tỷ đồng, đạt 56% KH 2017. Tỷ lệ đào tạo thực hiện thấp hơn kế hoạch do trong năm 2017 là do NT2 tập trung mọi nguồn nhân lực để thực hiện công tác đại tu nhà máy nên chưa kịp triển khai thực hiện các khóa đào tạo theo kế hoạch đề ra như: Đào tạo nâng cao về hệ thống SFC, SEE NMDNT2, ...

b) Công tác khoa học công nghệ:

- Luôn quan tâm đến hoạt động khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật để giảm chi phí sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục cập nhật theo quy định hiện hành và hướng dẫn của PVN/PV Power để ban hành các quy chế, quy định nhằm khuyến khích, động viên người lao động thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần vào sự phát triển cho đơn vị.

6. Công tác an toàn sức khỏe môi trường

- Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường đến nay luôn đảm bảo và không xảy ra tai nạn lao động và được ghi nhận với số điểm an toàn là 98.5 điểm.
- Hoàn thành tốt các công tác kiểm tra, sát hạch, diễn tập, huấn luyện,... nhằm đảm bảo tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường.

- Tổ chức thành công Hội thao ATVSLĐ – PCCN lần thứ IX và Hội nghị ATSKMT lần VIII của PV Power.
- Thứ 3 và thứ 6 hàng tuần thực hiện kiểm tra công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong toàn Công ty; Thứ 6 hàng tuần thực hiện công tác kiểm tra định kỳ hệ thống Phòng cháy và Chữa cháy trong Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2.

7. Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống cho người lao động

- Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội 2017.
- Công tác lao động, tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách cho người lao động luôn được lãnh đạo NT2 đặc biệt quan tâm. Các chế độ chính sách cho người lao động như lương, thưởng, BHXH, BHYT, chế độ ốm đau, thai sản được thực hiện theo đúng chế độ, ... Đặc biệt, NT2 luôn quan tâm và hỗ trợ nhà trẻ Ánh Dương tại khu nhà công vụ Long Thọ nhằm đảm bảo con em CBCNV được chăm sóc tốt để CBCNV NT2 ổn định cuộc sống và yên tâm công tác phục vụ lâu dài cho đơn vị.

8. Công tác thực hiện tiết giảm chi phí

NT2 luôn chủ động triển khai, thực hiện nghiêm túc những quy định luật pháp về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Đảng ủy, Ban lãnh đạo đã tổ chức tuyên truyền vận động và phổ biến sâu rộng đến toàn thể CBCNV cho mọi người hiểu rõ, nắm vững Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí để thực hiện nghiêm túc. Năm 2017 đã triển khai thực hiện tiết kiệm tiết giảm chi phí được 54.33 tỷ đồng, đạt 293% KH 2017.

III. KẾT LUẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2017

Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty đã quyết tâm, tận dụng tiềm năng, sự ủng hộ của đối tác, quý cổ đông trong và ngoài nước để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2017.

Kết thúc năm 2017, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV NT2 đã nỗ lực hết mình để xuất sắc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2017 do ĐHĐCĐ giao và được Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam ghi nhận là đơn vị thành viên Tổng công ty hoàn thành vượt mức nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. Đặc biệt năm 2017, NT2 được vinh dự nhận (i) Doanh nghiệp vì người lao động năm 2017; (ii) Vinh danh Doanh nghiệp phát triển bền vững tiêu biểu năm 2017; (iii) Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2017; (iv) Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2017; (v) Xếp thứ 123 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017.

Giá cổ phiếu của NT2 tăng cao trên thị trường chứng khoán, được rất nhiều nhà đầu tư quan tâm và thương hiệu NT2 ngày càng lớn mạnh trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong ngành Điện Việt Nam trên thị trường chứng khoán.

Trên đây là những tiền đề vững chắc, rất quan trọng làm cơ sở cho toàn thể CBCNV NT2 phấn khởi, tin tưởng, thi đua để vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tạo đà phát triển bền vững cho những năm tiếp theo.

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm 2017 nêu trên và nhận định tình hình kinh tế năm 2018 tiếp tục diễn biến phức tạp, phục hồi chậm, còn nhiều rủi ro, NT2 xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 và các giải pháp thực hiện như sau:

I. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	4,600
2	Khối lượng khí	Tr.Sm3	847
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6,971
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	6,182
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	789
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	749
7	Cổ tức dự kiến	%	25

(Xem Biểu 2- Kế hoạch SXKD năm 2018 đính kèm)

II. CÁC MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2018

1. Nhiệm vụ kế hoạch SXKD

- Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh.
- Thực hiện tốt công tác tiêu tu các tổ máy của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vào tháng 7/2018.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán trả nợ vay.
- Chú trọng công tác thị trường điện và tiếp tục theo dõi, cập nhật các tài liệu liên quan đáp ứng phương án vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh thí điểm năm 2018 theo Quyết định số 4804/QĐ-BCT ngày 26/12/2017.
- Phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PVGas, PVPS và các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác vận hành nhà máy liên tục an toàn, hiệu quả.
- Công tác mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, vật tư phục vụ sửa chữa bảo dưỡng/dự phòng và các trang thiết bị khác đúng theo quy chế/quy định.

- Tiếp tục bổ sung hoàn thiện các quy trình/quy phạm trong việc quản lý vận hành nhà máy, các quy định quản lý nội bộ.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy và làm chủ công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành/bảo dưỡng/sửa chữa Nhà máy.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý. Tăng cường các khóa đào tạo Quản lý kỹ thuật, thị trường phát điện cạnh tranh cho đội ngũ vận hành.
- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất, chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Nghiêm túc triển khai thực hiện việc tiết kiệm chống lãng phí.
- Tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội.
- Thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ khác.

2. Công tác đầu tư phát triển

- Xem xét khả năng nâng công suất nhà máy nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

Để hoàn thành mục tiêu đề ra, NT2 xây dựng các biện pháp thực hiện đảm bảo hoàn thành kế hoạch như sau:

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vận hành. Thực hiện tốt công tác tiêu tu 02 tổ máy tuabin khí đạt tiến độ đề ra.
- Chủ động chiến lược chào giá hợp lý trong thị trường điện đảm bảo tối ưu công tác vận hành để đạt hiệu quả cao nhất.
- Tăng cường công tác An toàn, vệ sinh lao động và PCCC.
- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Thực hiện tốt công tác An sinh xã hội.

Trân trọng.

BIỂU 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2017	TH 2017	Đánh giá (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3=1/2)</i>
A	KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG				
I	Sản lượng điện thương mại	Tr. Kwh	4,450.0	4,337.4	97.5%
II	Khối lượng khí tiêu thụ	Triệu Sm3	819.9	796.6	97.2%
III	Khối lượng dầu tiêu thụ				
B	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	6,479,445.7	6,825,580.1	105.3%
1	Doanh thu từ sản xuất điện	"	6,479,446.1	6,761,129.9	104.3%
2	Doanh thu hoạt động tài chính		0.0	60,261.7	
3	Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán, doanh thu khác	"	0.0	4,188.5	
II	Tổng chi phí	Triệu đồng	5,762,733.3	5,737,452.3	99.6%
1	Chi phí sản xuất điện	"	5,762,733.3	5,681,694.3	98.6%
2	Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán, chi phí khác	"	0	55,757.9	
III	Lãi từ hoạt động SXKD	Triệu đồng	716,712.9	1,088,127.9	151.8%
IV	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	Triệu đồng	6,355.5	(234,689)	
V	Xử lý tài chính	Triệu đồng			
1	Lợi nhuận trước thuế	"	723,068.4	853,438.9	118%
2	Lợi nhuận sau thuế	"	686,914.9	810,413.1	118%

BIỂU 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm					Ghi chú
			Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
A	B	C	1	2	3	4	5	6
A	KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG							
I	Sản lượng điện thương mại	Tr. Kwh	4,600	1,137	1,255	1,000	1,207	
II	Khối lượng khí tiêu thụ	Triệu Sm3	847	209	231	184	222	
B	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH							
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	6,971,126	1,706,856	1,866,637	1,554,013	1,843,621	
1	Doanh thu từ sản xuất điện	"	6,952,372	1,706,856	1,865,611	1,554,013	1,825,893	
2	Doanh thu hoạt động tài chính (CLTG)		18,754	0	1,027	0	17,728	
-	<i>Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán</i>	"	6,212		1,027		5,185	
-	<i>CLTG đánh giá lại cuối kỳ</i>	"	12,542				12,542	
II	Tổng chi phí	Triệu đồng	6,182,273	1,529,260	1,658,864	1,392,359	1,601,790	
1	Chi phí sản xuất điện	"	6,172,882	1,529,260	1,649,473	1,392,359	1,601,790	
2	CLTG đánh giá lại cuối kỳ		9,391		9,391			
III	Xử lý tài chính	Triệu đồng						
1	Lợi nhuận trước thuế	"	788,853	177,596	207,773	161,653	241,830	
2	Lợi nhuận sau thuế	"	749,410	168,716	197,385	153,571	229,739	
IV	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	15%					
V	Trích các quỹ	Triệu đồng	28,400					
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng của người quản lý	Triệu đồng	28,400					
VI	Tỷ lệ chia cổ tức	%	25					

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm					Ghi chú
			Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
A	B	C	1	2	3	4	5	6
VII	Nộp ngân sách	Triệu đồng	259,400	62,451	70,340	56,601	70,009	
VIII	Giá thành sản xuất điện	đồng/kWh	1,342	1,345	1,314	1,392	1,327	
		UScent/kWh	5.83	5.85	5.71	6.05	5.77	
IX	Kế hoạch mua sắm và dịch vụ	Triệu đồng	114,721					
C	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC							
I	Kế hoạch lao động							
1	Lao động định biên	Người	195					
2	Lao động bình quân	Người	195					
3	Năng suất lao động bình quân	Tr.đồng/ng/tháng	2,979					
II	Kế hoạch đào tạo							
1	Kế hoạch đào tạo	Lượt người	214					
2	Kinh phí đào tạo	Triệu đồng	4,498					

Ghi chú:

-Tỷ giá ngoại tệ quy đổi là:

1 USD = 23,000 VNĐ

1 EUR = 26,000 VNĐ

BIỂU 3: KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG ĐIỆN VÀ KHỐI LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ NĂM 2018

Tháng	Sản lượng điện sản xuất (MWh)			Sản lượng điện (MWh)	SHN bình quân (BTU/kWh)	Nhiệt lượng tiêu thụ (10^6 BTU) theo KH	Nhiệt trị cao của khí (BTU/SM3)	Lượng khí tiêu thụ (SM3)	Ghi chú
	GT11	GT12	ST10						
1	136,876	136,876	136,876	410,629	7,047	2,893,703	38,263	75,626,651	
2	102,237	102,237	102,237	306,710	7,047	2,161,385	38,263	56,487,609	
3	139,994	139,994	139,994	419,981	7,047	2,959,606	38,263	77,349,034	
4	140,943	140,943	140,943	422,829	7,047	2,979,676	38,263	77,873,558	
5	141,226	141,226	141,226	423,679	7,047	2,985,666	38,263	78,030,105	
6	136,183	136,183	136,183	408,548	7,047	2,879,038	38,263	75,243,388	
7	125,744	125,744	125,744	377,233	7,047	2,658,361	38,263	69,476,020	
8	95,328	95,328	95,328	285,985	7,047	2,015,336	38,263	52,670,629	
9	112,359	112,359	112,359	337,076	7,047	2,375,375	38,263	62,080,197	
10	122,523	122,523	122,523	367,569	7,047	2,590,259	38,263	67,696,175	
11	138,333	138,333	138,333	415,000	7,047	2,924,505	38,263	76,431,670	
12	141,587	141,587	141,587	424,761	7,047	2,993,291	38,263	78,229,380	
Tổng cộng	1,533,333	1,533,333	1,533,333	4,600,000	7,047	32,416,200	38,263	847,194,418	

Nhơn Trạch, ngày 05 tháng 3 năm 2018

Số: 04 /BC - CPNT2 – BKS

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty cổ phần điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

I. Các căn cứ:

Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được sửa đổi lần thứ 10 theo Quyết định số 68/QĐ - CPNT2 ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông;

Quy chế quản trị của Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 ban hành theo Quyết định số 06/QĐ-CPNT2 ngày 06/02/2015;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán ngày 31/1/2018;

Căn cứ Báo cáo kiểm kê tài sản tại thời điểm 31/12/2017; Báo cáo thực hiện kế hoạch năm 2017 và các tài liệu có liên quan do Công ty cung cấp;

II. Kết quả thực hiện kiểm soát năm 2017:

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 xin kính trình Quý cổ đông báo cáo tình hình kiểm tra, kiểm soát việc tổ chức hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính năm 2017 tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 với các nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: Tr đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm		Thực hiện năm		Tỷ lệ hoàn thành (%)	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	So với KH	So với năm trước
1	2	3	4	5	6=(4/2)	7=(4/5)
1. Sản lượng điện	4,450,000	4,450,000	4,323,428	5,222,412	97.0	82,8
2. Tổng doanh thu	6,479,446	6,130,700	6,825,580	8,087,220	105.3	84,4
<i>Doanh thu sx điện</i>	<i>6,479,446</i>	<i>6,003,459</i>	<i>6,761,130</i>	<i>7,983,298</i>	<i>104.3</i>	<i>84,7</i>
<i>Doanh thu TC</i>			<i>62,996</i>	<i>103,162</i>		<i>61,0</i>
<i>Thu nhập khác</i>			<i>1,454</i>	<i>760</i>		<i>191,3</i>
3. Tổng chi phí	5,762,733	5,364,779	5,858,213	6,939,039	101.7	84,4
<i>Chi phí sx điện</i>	<i>5,536,351</i>	<i>5,119,840</i>	<i>5,368,441</i>	<i>6,688,678</i>	<i>97.0</i>	<i>80,2</i>
<i>Chi phí tài chính</i>			<i>489,571</i>	<i>249,014</i>		<i>196,6</i>
<i>Chi phí khác</i>			<i>200</i>	<i>1,347</i>		<i>14,8</i>
4. LN trước thuế	723,068	765,921	853,439	1,148,181	118.0	74,3
5. LN sau thuế	686,915	727,625	810,413	1,085,508	118.0	74,6

Tổng sản lượng điện năm 2017 thực hiện 4,323,428 tr KWh, đạt 97% kế hoạch sản lượng kế hoạch năm 2017 và bằng 82,8% so với sản lượng điện thực hiện năm 2016.

Một số nguyên nhân chính dẫn đến sản lượng điện phát không đạt kế hoạch:

- Năm 2017 Công ty phải dừng máy trong thời gian đại tu thực tế 32 ngày;
- Tình hình thời tiết diễn biến bất thường, mưa liên tục trên diện rộng và kéo dài gần hết quý III, nhu cầu phụ tải của hệ thống thấp;
- Trong tháng 4/2017 đơn vị truyền tải thực hiện cắt xuất tuyến trạm 220KV Nhơn Trạch 1&2 để phục vụ công tác nâng đường dây qua dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành nên Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 không thể huy động công suất cao.

Bên cạnh các nguyên nhân bất lợi do khách quan mang lại, trong năm 2017 Công ty đã nỗ lực thực hiện các giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao như:

- Công ty đã hoàn thành xuất sắc công tác đại tu lần đầu nhà máy ở 50.000 EOH đảm bảo an toàn tuyệt đối, không có sự cố xảy ra. Thời gian đại tu hoàn thành sớm trước kế hoạch 6 ngày, sau đại tu tổng công suất các tổ máy tăng thêm 24 MW so với trước khi đại tu. Việc hoàn thành sớm công tác đại tu 6 ngày đã góp phần tăng sản lượng

điện, Trong quý IV sau khi đại tu, chất lượng máy móc thiết bị tốt, kết hợp với điều kiện vận hành toàn bộ ngoài thị trường trong T10/2017 là một yếu tố thuận lợi để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận được giao trong thời gian còn lại của năm 2017. Công ty đã phấn đấu sản xuất vượt mức kế hoạch quý IV 23%, góp phần nâng cao sản lượng điện sản xuất năm 2017 và đạt 97% kế hoạch cả năm.

- Mặc dù sản lượng điện thực hiện chỉ đạt được 97% so với kế hoạch đề ra nhưng với nỗ lực phấn đấu của Công ty như có chiến lược chào giá bán điện hợp lý, cùng với các giải pháp quản trị chi phí sản xuất, giảm giá thành sản xuất điện, rút ngắn thời gian đại tu nhà máy nên lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 853,439 tỷ đồng vượt 18% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao. Năm 2017 tỷ giá EUR và USD tăng cao so với năm 2016 là nguyên nhân làm giảm lợi nhuận đáng kể so với cùng kỳ năm 2016. Năm 2017 lỗ chênh lệch tỷ giá phản ánh vào KQKD là 290,245 tỷ so với năm 2016 là 12,202 tỷ.

2. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2017 :

Qua xem xét báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Cty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam, cho thấy Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật về thuế hiện hành có liên quan tại Việt Nam; việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính đầy đủ phản ánh một cách trung thực và hợp lý trên cơ sở trọng yếu tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trên báo cáo tài chính đã đệ trình. Tình hình tài chính của Công ty được đánh giá là lành mạnh, tóm tắt các chỉ tiêu tài chính trên BCTC năm 2017 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/Giảm	% Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	5,316	3,101	(2,215)	-42%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	7,664	6,863	(801)	-10%
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	12,980	9,964	(3,016)	-23%

Nợ phải trả	Tỷ đồng	8,071	4,979	(3,093)	-38%
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	4,310	2,284	(2,026)	-47%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	3,762	2,695	(1,067)	-28%
Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4,908	4,985	77	2%
Tổng Nguồn vốn	Tỷ đồng	12,980	9,964	(3,016)	-23%

a. Về vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 4.985 tỷ đồng tăng nhẹ 2% so với thời điểm 31/12/2016 tương ứng 77 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ 2.878 tỷ đồng tăng so với thời điểm 31/12/2016 số tiền 30 tỷ đồng là do Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu ESOP cho người lao động. Trong năm 2017 lợi nhuận sau thuế tạo ra 810,4 tỷ đồng và Công ty đã trích từ lợi nhuận chưa phân phối 748,477 tỷ đồng để thực hiện chi trả 16% cổ tức còn lại năm 2016 và trả 10% tạm ứng cổ tức năm 2017 vào ngày 20/10/2017 theo Nghị quyết của HĐQT.

b. Về nợ phải trả:

-Tại thời điểm 31/12/2017, Nợ phải trả của Công ty đạt 4.979 tỷ đồng giảm 3.093 tỷ đồng so với năm 2016: 8.071 tỷ đồng và chiếm 50% Tổng giá trị Nguồn vốn, trong đó Nợ ngắn hạn giảm 2.026 tỷ đồng và Nợ dài hạn giảm 1.067 tỷ đồng do kết chuyển từ khoản vay dài hạn sang ngắn hạn.

-Trong năm 2017, Nợ ngắn hạn Công ty đạt 2.284 đồng giảm 2.026 tỷ đồng so với năm 2016: 4.310 tỷ đồng, nguyên nhân do Công ty đã giảm khoản thanh toán nguồn khí đầu vào cho Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas):1.784 tỷ đồng tương ứng với số tiền thu được từ hoạt động kinh doanh điện từ EPTC, trả khoản giảm các khoản phải nộp NSNN khoảng 185 tỷ đồng, đồng thời giảm khoản phải thanh toán cổ tức cho cổ đông khoảng 141 tỷ đồng.

c. Về tài sản:

-Tổng Tài sản tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty đạt: 9.964 tỷ đồng giảm 3.016 tỷ đồng so với cùng thời điểm năm 2016 tương ứng với tỷ lệ giảm 23%, trong đó Tài sản ngắn hạn giảm 2.215 tỷ đồng, Tài sản dài hạn giảm 801 tỷ đồng.

-Tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 3.101 tỷ đồng giảm 42% so với năm 2016: 5.316 tỷ đồng, chiếm 31% Tổng giá trị Tài sản, nguyên nhân giảm chủ yếu trong năm Công ty đã tắt toán trước hạn 02 hợp đồng vay trong nước với số tiền 280 tỷ đồng, khoản phải thu từ Công ty Mua Bán Điện (EPTC) giảm khoảng 1.765 tỷ đồng do đã được thanh toán.

-Tại thời điểm 31/12/2017, Tài sản dài hạn của Công ty đạt 6.863 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 10% so với năm 2016: 7.664 tỷ đồng và chiếm 69% Tổng giá trị Tài sản, nguyên nhân chủ yếu do khoản phải thu dài hạn từ EPTC giảm 164,5 tỷ đồng, chi phí khấu hao Nhà máy khoảng 691 tỷ đồng trong khi trong năm Công ty không phát sinh các khoản đầu tư nào đáng kể.

Các chỉ số đánh giá chất lượng tình hình tài chính Công ty tại thời điểm 31/12/2017 được thể hiện tại **Phụ lục 01** kèm theo báo cáo này.

d. Tình hình đầu tư:

Trong năm 2017 Công ty không thực hiện đầu tư mới, Trên báo cáo tài chính hiện chỉ có theo dõi khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty CP bê tông Công nghệ cao Sopewaco từ năm 2009 và đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị đầu tư	Dự phòng giảm giá đầu tư	Giá trị đầu tư sau khi trích lập
1.114.000	13,93%	11.140.000.000	11.140.000.000	0

Theo báo cáo tài chính của Công ty CP bê tông công nghệ cao Sopewaco lập tại thời điểm 30/6/2017 khoản lỗ lũy kế là -423.560 triệu đồng/vốn điều lệ 80.000 triệu đồng, đang âm vốn -342.586 triệu đồng, nên Công ty đã phải trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư tài chính dài hạn trên. Hiện Công ty đang tích cực làm các thủ tục để thoái vốn đầu tư tại Sopewaco theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty và ý kiến của cổ đông chi phối PVPower.

3. Tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự, công tác tuyển dụng và sử dụng lao động. Tình hình sử dụng quỹ lương, quỹ khen thưởng phúc lợi:

Tính đến ngày 31/12/2017 tổ chức bộ máy Công ty gồm HĐQT chuyên trách, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc, 7 Phòng chức năng và 1 Phân xưởng. Tổng số nhân sự của Công ty là 186 lao động gồm 151 nam và 35 nữ. Trong năm 2017 giảm 04 lao động (03 nghỉ theo nguyện vọng cá nhân và 01 điều chuyển theo QĐ của Công ty mẹ) so với thời

điểm 31/12/2016 và trong năm 2017 Công ty không tuyển thêm lao động. Việc trích lập và sử dụng quỹ lương, quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm được tuân thủ theo đúng qui chế tài chính, qui chế trả lương, trả thưởng và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

4. Tình hình quản lý danh mục vật tư, quản lý hàng tồn kho:

- Qua công tác giám sát xuất nhập vật tư và kiểm tra sổ sách vật tư hàng hóa tồn kho, kiểm tra tình hình thực hiện các hợp đồng cung cấp vật tư Ban kiểm soát nhận thấy:
- Tại thời điểm 31/12/2017 giá trị hàng tồn kho của Công ty bao gồm dầu DO và vật tư dự trữ: **259,378 tỷ đồng**, tăng **20,367 tỷ đồng** so với thời điểm 31/12/2016, Công ty luôn đảm bảo đáp ứng nhu cầu vật tư cho công tác sửa chữa và vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
- Hiện tại trong danh mục hàng tồn kho còn có một số mã vật tư tồn kho từ Hợp đồng EPC chuyển sang, Công ty nên lưu ý để sử dụng lượng vật tư tồn kho này.

5. Công tác đầu thầu và mua sắm:

- Trong năm 2017 Công ty đã tích cực thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ theo kế hoạch SXKD năm 2017 và Kế hoạch đại tu tại 50.000 EOH đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Việc lựa chọn Nhà thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi đã được Công ty thực hiện theo đúng các qui định tại Luật đấu thầu số 43/ 2013/QH13 và hướng dẫn tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Công ty đã nỗ lực thực hiện các giải pháp để đáp ứng đủ vật tư phục vụ sản xuất và đặc biệt đáp ứng đầy đủ kịp thời cho kỳ đại tu tại 50.000 EOH. Một số gói thầu thực hiện theo hình thức chào giá cạnh tranh rút gọn vẫn còn có một số tồn tại nhỏ Công ty lưu ý để hoàn thiện.

6. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã ban hành. Trong năm 2017, BKS đã đề ra các chương trình trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng công tác giám sát và phối hợp với HĐQT và BĐH trên tinh thần tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ Quy chế, Quy trình hoạt động và các quy định của pháp luật.

Hàng quý, BKS đều họp và lấy ý kiến thông qua các vấn đề của Công ty như thông

qua Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, việc thực hiện các quy chế, quy trình. Công tác kiểm tra, giám sát của BKS được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban Công ty, các cuộc họp HĐQT. Phối hợp với HĐQT, Ban Điều hành trong việc góp ý, xây dựng các Quy chế của Công ty nhằm làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành SXKD.

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng của ĐHCĐ, triển khai các nhiệm vụ cụ thể để đạt được kết quả tốt nhất.

Hàng quý, BKS đều thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm của Công ty, công tác thực hiện không chỉ bao gồm kiểm tra chứng từ, hợp đồng thực hiện và các hồ sơ liên quan mà còn đưa ra các kiến nghị bằng văn bản đối với HĐQT và BĐH nhằm tuân thủ, hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan tình hình hoạt động và tài chính của Công ty. Các nội dung kiến nghị của BKS đã được HĐQT và BĐH ghi nhận và thống nhất chấn chỉnh để công tác quản lý tốt hơn nữa.

Trong năm, Công ty không có phát sinh các tranh chấp liên quan đến hoạt động SXKD, BKS cũng không nhận được đơn thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty.

Công ty đã chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết, báo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, chi trả và tạm ứng cổ tức... được công bố kịp thời, đầy đủ, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông (ĐHCĐ). Định kỳ HĐQT tiến hành họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra chiến lược, định hướng nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua. Đối với các vấn

đề đột xuất HĐQT thực hiện gửi phiếu lấy ý kiến thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Trong năm 2017 HĐQT đã họp trực tiếp 4 lần và 1 lần xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Trong năm 2017 bám sát các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành 29 Nghị quyết và 73 Quyết định và các văn bản khác để quản lý các hoạt động của Công ty cũng như chỉ đạo hoàn thiện các văn bản quản lý Công ty. Các Nghị quyết/Quyết định được HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

Hoạt động của Ban Điều hành

Công tác điều hành SXKD của Ban điều hành đã tuân thủ luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty. Ban điều hành đã theo dõi sát sao diễn biến của thị trường điện và những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, phân tích đánh giá đầy đủ khó khăn, thuận lợi, thường xuyên thực hiện công tác quản trị rủi ro để phòng ngừa thiệt hại và dự báo để đón cơ hội, đã tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Công ty.

Ban điều hành Công ty luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ban điều hành Công ty đã hỗ trợ và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng của mình, các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tuần của Công ty đều có sự tham gia của Ban kiểm soát, các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được Ban điều hành Công ty phản hồi đầy đủ và kịp thời.

7. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, các họp giao ban hàng tuần, tháng của Công ty.

Ban kiểm soát đã thông báo cho HĐQT và Ban điều hành về kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2017 để phối hợp. Ban kiểm soát đã được xem xét các kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ, báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán Deloitte, xem xét các ý kiến phản hồi của HĐQT và Ban điều hành.

III. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

1. Nội dung công việc:

- Thực hiện kiểm tra giám sát công tác thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 và công việc khác theo nội dung các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT.
- Thực hiện công tác giám sát tài chính, kiểm tra việc bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động tài chính, kiểm tra và giám sát việc tuân thủ qui định Pháp luật, Điều lệ hoạt động, các Qui chế, Qui định của Công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật năm 2018 và việc thực hiện các chỉ tiêu tiết kiệm đã đăng ký.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện trích lập, phân phối các quỹ lương, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.
- Thực hiện giám sát công tác lựa chọn nhà thầu, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện các hợp đồng mua sắm vật tư thiết bị, dịch vụ phục vụ SXKD.
- Thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính hàng Quý và cả năm 2018.
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác đã được qui định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Quyết toán kinh phí năm 2017 và dự toán thù lao ban kiểm soát năm 2018:

Để thực hiện kế hoạch kiểm soát năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông giao, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

- Quyết toán kinh phí hoạt động năm 2017 : Tiền thù lao cho kiểm soát viên kiêm nhiệm: 60.000.000 đồng.
- Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua thù lao cho kiểm soát viên kiêm nhiệm năm 2018 với mức là 2.500.000 đồng/người/tháng.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PV Power (để b/c);
- KSV PV Power (để b/c);
- HĐQT;
- Ban ĐH;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hữu Minh

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

TT	Chỉ tiêu	2017	2016
I.	CÁC HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI		
1	Suất sinh lời của tổng tài sản ROA (LNST/Tổng tài sản bq)	0.07	0.09
2	Suất sinh lời của vốn chủ sở hữu ROE(LTST/Vốn chủ sở hữu bq)	0.16	0.22
3	LNTT / Doanh thu, thu nhập	0.13	0.14
II.	CÁC HỆ SỐ HOẠT ĐỘNG		
1	Thời gian phải thu trung bình (Số ngày/Vòng quay các khoản phải thu)	77	74
2	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0.59	0.55
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0.31	0.41
4	Vòng quay các khoản phải trả (Giá vốn hàng bán/phải trả bình quân)	3.02	4.00
5	Thời gian phải trả trung bình (Số ngày/Vòng quay các khoản phải trả)	121	92
6	Vòng quay vốn lưu động	2.15	1.96
7	Hiệu suất sử dụng vốn cố định (Doanh thu/Tài sản dài hạn bình quân)	0.93	0.98
8	Vòng quay Tài sản cố định Hữu hình (Doanh thu thuần/Tài sản cố định hh tròn)	1.03	1.10
III.	CÁC HỆ SỐ VỀ CƠ CẤU VỐN		
1	Hệ số bảo toàn vốn H (Vốn chủ sở hữu cuối kỳ/Vốn chủ sở hữu đầu kỳ)	1.02	1.03
2	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0.50	0.38
3	Hệ số nợ tài sản (Nợ phải trả / Tổng tài sản)	0.50	0.62
4	Hệ số bảo đảm nợ (Vốn CSH / Nợ phải trả)	1.00	0.61
5	Hệ số nợ vốn chủ (Nợ phải trả / Vốn CSH)	1.00	1.64
6	Tỷ lệ vay (ngắn hạn và dài hạn) so với vốn chủ sở hữu	0.74	0.97
IV.	CÁC HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN		
1	Hệ số thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	2.00	1.61
2	Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ phải trả ngắn hạn	1.24	1.18

Số 21 /TTr-CPNT2

Nhơn Trạch, ngày 19 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: Xin phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2017
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018)

Kính gửi: Hội đồng Quản trị (HĐQT)
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

1. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp của Nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Căn cứ điều lệ sửa đổi lần thứ X của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 ban hành theo quyết định số 68/QĐ-CPNT2 ngày 26/12/2017;
- Căn cứ quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2) được sửa đổi, bổ sung lần thứ 3 theo quyết định số 05/QĐ-CPNT2 ngày 16/2/2017 của HĐQT Công ty;
- Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 thường niên năm 2017 số 09/NQ-CPNT2 ngày 27 tháng 04 năm 2017 đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017.
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán ngày 31 tháng 01 năm 2018.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

	Đvt: Đồng
1. Doanh thu về bán hàng	6.761.129.918.866
2. Giá vốn hàng bán	5.368.441.795.759
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng	1.392.688.123.107
4. Doanh thu hoạt động tài chính	62.995.842.401
5. Chi phí tài chính	489.570.695.744
6. Chi phí bán hàng	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	113.928.158.596
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	852.185.111.168
9. Thu nhập khác	1.454.348.129
10. Chi phí khác	200.592.792
11. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác	1.253.755.337

12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	853.438.866.505
13. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42.996.471.877
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.272.296
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	810.413.122.332
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.768

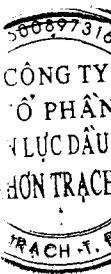
3. Nội dung đề trình:

Trong năm 2017, Công ty đã đạt mốc sản lượng 30 tỷ kWh vào ngày 26/10/2017, lũy kế sản lượng điện từ khi vận hành thương mại đến hết ngày 31/12/2017 là 30,91 tỷ kWh; sản lượng điện năm 2017 đạt 4.337,39 Tr.kWh. Tổng doanh thu năm 2017 là 6.825,58 tỷ đồng, vượt 5,3% KH năm 2017. Lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 810,4 tỷ đồng, vượt 18% so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2017 được Đại hội cổ đông thông qua. Kết quả này là do sự nỗ lực của PVPower NT2 đã thực hiện công tác chào giá thị trường điện với chiến lược chào giá hợp lý, đảm bảo nhà máy điện vận hành an toàn, hiệu quả trong cả năm. Bên cạnh đó trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành công tác thu hồi công nợ đối với khoản doanh thu tiền điện bổ sung đến hạn trả trong năm 2017 với số tiền là 164 tỷ đồng.

3.1 Phân phối lợi nhuận năm 2017:

Với những kết quả đạt được như trên và đề động viên và khuyến khích tinh thần làm việc của tập thể CBCNV, chăm lo đời sống CBCNV cũng như thực hiện các chương trình công tác an sinh xã hội, công tác từ thiện, tham gia công tác xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ địa phương. Công ty kính trình HĐQT Công ty xem xét phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (Đồng)	Ghi chú
I	LỢI NHUẬN SAU THUẾ		
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	810.413.122.332	Theo BCTC năm 2017 được kiểm toán tại ngày 31/01/2018
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến hết ngày 31/12/2017	1.969.624.367.294	
3	Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện lũy kế đến hết 31/12/2017	573.750.145.716	
4	LN sau thuế chưa phân phối lũy kế đến hết ngày 31/12/2017 được chia cổ tức theo quy định	1.395.874.221.578	
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.985.222.070.648	
1	Vốn góp của chủ sở hữu - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.	2.878.760.290.000	
III	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		
III.1	TRÍCH LẬP QUỸ		



STT	Nội dung	Số tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Quỹ đầu tư phát triển	-	Không trích lập
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi - thưởng Ban điều hành	28.400.000.000	
III.2	CHIA CỔ TỨC	863.628.087.000	Bằng tiền mặt với tỷ lệ 30% trên mệnh giá
1	Cổ tức bằng tiền mặt đã tạm ứng	287.876.029.000	Đã tạm ứng 10% theo nghị quyết số 21/NQ-CPNT2 ngày 19/09/2017.
2	Cổ tức đề xuất tăng thêm	575.752.058.000	Tỷ lệ 20% trên mệnh giá
	- Từ lợi nhuận sau thuế năm 2017	494.137.093.332	Tỷ lệ 17% trên mệnh giá
	- Từ lợi nhuận sau thuế để lại các năm trước	81.614.964.668	Tỷ lệ 3% trên mệnh giá


3.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Công ty kính đề nghị Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

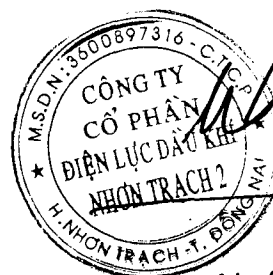
Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị	Ghi chú
1. Lợi nhuận sau thuế (Theo kế hoạch SXKD năm 2018)	Triệu đồng	749.410	
2. Tổng số lợi nhuận trích lập các quỹ		28.400	
2.1 Quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	-	Không trích lập
2.2 Quỹ khen thưởng phúc lợi - thưởng Ban điều hành	Triệu đồng	28.400	Tạm tính bằng mức 2017
3. Kế hoạch chia cổ tức năm 2018	%/mệnh giá	25%	


Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT, TCKT 

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH**




Ngô Đức Nhân

Số: 28/TT-CPNT2

Nhơn Trạch, ngày 06 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc: Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được sửa đổi lần thứ mười theo Quyết định số 68/QĐ-CPNT2 ban hành ngày 26/12/2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 06/06/2017 về việc hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Căn cứ Nghị quyết số 04/CPNT2-HĐQT ngày 05/04/2018 của Hội đồng quản trị Công ty.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty tại Nghị quyết số 04/CPNT2-HĐQT ngày 05/04/2018, Công ty đã tiến hành rà soát, cập nhật sửa đổi bổ sung một số điều, khoản trong dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty nhằm phù hợp các quy định pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở đó, Công ty kính trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua bản dự thảo sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (*đính kèm*) để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành thực hiện.

Trân trọng.

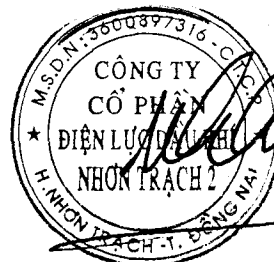
Nơi nhận:

- Như trên;
- PGĐ Hải;
- Lưu VT, SK&QHCD.

Đính kèm:

- Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Nhân

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mã hiệu: CPNT2-QC-...../ĐHĐCĐ

*Ban hành theo Nghị quyết số /NQ – CPNT2 ngày / /2018 của
Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2*



Nhơn Trạch, ngày tháng năm 2018

59X
C
C
I
N
N
C
N T

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3. Mục đích	1
Điều 4. Định nghĩa.....	2
Chương II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ ... 3	
Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	3
Điều 6. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.....	3
Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ.....	4
Điều 8. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ	4
Điều 9. Cách thức kiểm phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ	5
Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu trong ĐHĐCĐ.....	5
Điều 11. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ	5
Điều 12. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ	6
Điều 13. Công bố Nghị quyết họp ĐHĐCĐ.....	7
Điều 14. ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	7
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT.....	9
Điều 16. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	9
Điều 17. Cách thức bầu thành viên HĐQT.....	10
Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	11
Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	11
Điều 20. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT.....	11
Chương IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT	12
Điều 21. Thông báo họp HĐQT.....	12
Điều 22. Điều kiện tổ chức họp HĐQT.....	12
Điều 23. Cách thức biểu quyết.....	13
Điều 24. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT	14
Điều 25. Ghi biên bản họp HĐQT	14
Điều 26. Thông báo Nghị quyết của HĐQT	14
Chương V. BAN KIỂM SOÁT	15
Điều 27. Tiêu chuẩn kiểm soát viên	15
Điều 28. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên .	15

3

Điều 29. Cách thức bầu Kiểm soát viên.....	15
Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	15
Điều 31. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	16
Chương VI. CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT.....	16
Điều 32. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT.....	16
Điều 33. Cơ cấu của tiểu ban trực thuộc HĐQT.....	16
Điều 34. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban.....	17
Chương VII. BAN ĐIỀU HÀNH.....	17
Điều 35. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.....	17
Điều 36. Giám đốc.....	18
Điều 37. Việc bổ nhiệm của người điều hành doanh nghiệp khác.....	20
Điều 38. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.....	20
Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	20
Điều 40. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	20
Chương VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS, BDH.....	20
Điều 41. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và BDH.....	20
Điều 42. Triệu tập HĐQT theo đề nghị của BKS, Giám đốc và người điều hành khác.....	21
Điều 43. Báo cáo của Giám đốc đối với HĐQT, BKS.....	21
Điều 44. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, KSV, GD và người điều hành khác.....	22
Chương IX. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS VÀ BDH.....	22
Điều 45. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT.....	22
Điều 46. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên BKS.....	22
Điều 47. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên BDH.....	22
Chương X. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	23
Điều 48. Tiêu chuẩn và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	23
Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	23
Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	23
Chương XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	23
Điều 51. Điều khoản thi hành.....	23
Điều 52. Hiệu lực.....	24

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 1

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định các vấn đề liên quan đến quản trị công ty đối với Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giao dịch với người có liên quan, Báo cáo và công bố thông tin.
2. Quy chế này được xây dựng theo quy định của:
 - a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006.
 - c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11.
 - d. Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015.
 - e. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.
 - f. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.
 - g. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này hoặc có sự mâu thuẫn với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty thì được điều chỉnh bởi những quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Cổ đông của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông; Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành doanh nghiệp của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này; Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 3. Mục đích

Việc xây dựng và ban hành Quy chế này nhằm đảm bảo Công ty được định hướng quản trị, điều hành và kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan đến Công ty dựa trên các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

1. Đảm bảo việc tuân thủ những quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật liên quan.

2

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 2

2. Đảm bảo một cơ cấu quản trị Công ty hiệu quả.
3. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông.
4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông.
5. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
6. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

Điều 4. Định nghĩa

1. Trong Quy chế này, những chữ viết tắt, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty”: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
 - b. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
 - c. “HĐQT”: Hội đồng quản trị của Công ty.
 - d. “BKS”: Ban Kiểm soát của Công ty.
 - e. “BDH”: Ban Điều hành của Công ty.
 - f. “Người quản lý doanh nghiệp”: được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
 - g. “KSV”: Kiểm soát viên.
 - h. “Ban Điều hành” hoặc “Người điều hành doanh nghiệp”: là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.
 - i. “Thành viên HĐQT không điều hành”: là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
 - j. “Thành viên độc lập HĐQT”: là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện sau:
 - Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty.

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 3

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
- k. “Cổ đông lớn”: là cổ đông được quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán.
- l. “Người phụ trách quản trị công ty”: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- m. “Người có liên quan”: là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
- n. “Website”: trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

1. HĐQT Công ty họp, ra quyết định triệu tập ĐHĐCĐ và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.
2. HĐQT phải thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày chốt danh sách.
3. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Điều 6. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

1. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn (“link”) đến toàn bộ tài liệu họp, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên (nếu đã có) trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 4

- Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư.
- Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

- Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự ĐHĐCĐ theo cách thức sau: gửi giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ (theo mẫu đính kèm trong thông báo mời họp hoặc lấy từ website của Công ty) thông qua các hình thức gửi thư điện tử hoặc fax hoặc gửi qua đường bưu điện trong thời hạn được nêu tại thông báo mời họp.
- Nếu cổ đông không thể tham dự ĐHĐCĐ thì có thể ủy quyền cho người khác tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty (đính kèm trong thông báo mời họp hoặc lấy từ website của Công ty). Người được ủy quyền dự họp phải nộp văn bản ủy quyền (bản gốc) cho Công ty trước khi vào tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đã có mặt đăng ký hết.
- Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 8. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
- Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định hoặc có thể thực hiện theo phương thức bỏ phiếu kín bằng

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 5

cách chọn phương án biểu quyết trong phiếu biểu quyết (tùy từng báo cáo, tờ trình và hướng dẫn biểu quyết tại đại hội). Ban kiểm phiếu tiến hành thu lại tất cả phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tổng số phiếu tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến của từng vấn đề lấy ý kiến cổ đông sẽ được Chủ tọa (hoặc người được Chủ tọa chỉ định) thông báo ngay cho cổ đông tham dự đại hội trước khi bế mạc cuộc họp.

- Để tạo thuận lợi cho cổ đông, Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm máy tính, dịch vụ công nghệ thông tin trong việc biểu quyết. Việc thực hiện sẽ được Công ty hướng dẫn cụ thể khi áp dụng các hình thức này.

Điều 9. Cách thức kiểm phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

- ĐHĐCĐ bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp để thực hiện việc kiểm phiếu.
- Đối với những vấn đề nhạy cảm, ĐHĐCĐ có thể quyết định chỉ định một tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu trong ĐHĐCĐ

- Ban kiểm phiếu sẽ tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến và báo cáo kết quả kiểm phiếu cho Chủ tọa để công bố trước khi bế mạc cuộc họp.
- Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và có đầy đủ chữ ký xác nhận của các thành viên ban kiểm phiếu.

Điều 11. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

- Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ; cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS và Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - Trình tự, thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty.
 - Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
- Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của ĐHĐCĐ cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ.

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 6

3. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

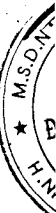
Điều 12. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Chủ tọa cử một hoặc nhiều người làm thư ký lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (tiếng Anh...) và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ.
- Chương trình và nội dung cuộc họp.
- Họ, tên chủ tọa và thư ký.
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản họp.
5. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua.



[Handwritten signature]

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 7

6. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13. Công bố Nghị quyết họp ĐHĐCĐ

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ được gửi đến cổ đông, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán bằng hình thức thông báo trên website của Công ty, gửi văn bản và/hoặc dữ liệu điện tử trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Việc công bố thông tin phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

Điều 14. ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty.
 - b. Mục đích lấy ý kiến.
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 8

của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định.
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định.
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
 - e. Các quyết định đã được thông qua.
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 9

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Thường trú tại Việt Nam.
 - b. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
 - d. Thành viên HĐQT Công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.
 - e. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
2. Thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: ngoài các quy định về tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên độc lập HĐQT còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
3. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc.

Điều 16. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

1. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT:

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 10

- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên.
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên.
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
 - f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên.
 - g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.
 - h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT bao gồm:
- a. Phiếu đề cử hoặc phiếu ứng cử thành viên HĐQT theo mẫu của Công ty.
 - b. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai theo mẫu của Công ty.
 - c. Bản sao chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu có công chứng của ứng cử viên.
 - d. Chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.
 - e. Các giấy ủy quyền (nếu ứng cử viên được nhóm cổ đông ủy quyền ứng cử).

Điều 17. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc bầu thành viên HĐQT có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp ĐHĐCĐ để bầu thành viên HĐQT, HĐQT sẽ quyết định phương thức bầu phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 11

ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT.
2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự.
4. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng, và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
5. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ.
6. Thành viên đó không còn là người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức.

Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 20. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 12

- Trình độ chuyên môn.
- Quá trình công tác.
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác.
- Báo cáo đánh giá đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty.
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có).
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).
- Các thông tin khác (nếu có).

Chương IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT

Điều 21. Thông báo họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.
3. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS và Giám đốc như đối với thành viên HĐQT.
4. Thành viên BKS, Giám đốc không phải là thành viên HĐQT, có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 13

lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp tham gia trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền.

- Họp từ xa hoặc các hình thức khác: một cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức từ xa giữa các thành viên HĐQT với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: (i) nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, (ii) nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp những phương thức này. Mỗi thành viên HĐQT tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp từ xa được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp từ xa này.

Điều 23. Cách thức biểu quyết

- Trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
- Một thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- Theo quy định tại Khoản 4 Điều này, trong một cuộc họp HĐQT, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ.

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 14

4. Bất kỳ thành viên HĐQT nào hưởng lợi từ một (01) hợp đồng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp và điểm a, điểm b Khoản 4 Điều 33 Điều lệ Công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

Điều 24. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết, phải được ký bởi tất cả những thành viên HĐQT sau đây: (i) thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp HĐQT và (ii) số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp HĐQT.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

Điều 25. Ghi biên bản họp HĐQT

1. Biên bản họp HĐQT phải được Thư ký Công ty ghi chép đầy đủ, trung thực. Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp hoặc biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.
2. Trong trường hợp có thành viên HĐQT không thể sử dụng được tiếng Việt, thì nội dung biên bản cuộc họp của HĐQT có thể được dịch sang tiếng Anh và thành viên đó phải ký tên trên cả biên bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

Điều 26. Thông báo Nghị quyết của HĐQT

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 15

của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương V. BAN KIỂM SOÁT

Điều 27. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy chế được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

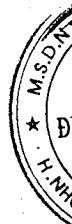
Điều 29. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Cách thức bầu cử KSV tương tự như đối với bầu cử thành viên HĐQT tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên BKS trong các trường hợp sau:

1. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên BKS.
2. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận.



3

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 16

3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
4. Thành viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ.
5. Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm KSV theo quy định tại Điều 27 Quy chế này. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của KSV theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 31. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương VI. CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Điều 32. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. HĐQT có thể bổ nhiệm một (01) thành viên độc lập HĐQT làm trưởng các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ.
2. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, HĐQT có thể phân công thành viên độc lập HĐQT giúp HĐQT trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.
3. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập HĐQT được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

Điều 33. Cơ cấu của tiểu ban trực thuộc HĐQT

1. Cơ cấu của tiểu ban thuộc HĐQT bao gồm Trưởng tiểu ban và các thành viên:
 - Trưởng tiểu ban phải đồng thời là thành viên HĐQT do HĐQT bầu.
 - Thành viên tiểu ban có thể là thành viên HĐQT hoặc không, do Chủ tịch HĐQT quyết định dựa trên đề xuất của Trưởng tiểu ban.
 - Các thành viên của tiểu ban có thể kiêm nhiệm các vị trí, chức danh khác trong Công ty.
2. Số lượng thành viên mỗi tiểu ban do HĐQT quyết định dựa trên đề xuất của Trưởng tiểu ban.

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 17

3. Lương, thưởng, thù lao của các thành viên tiểu ban không phải là thành viên HĐQT do HĐQT quyết định.
4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của các tiểu ban của HĐQT sẽ được HĐQT ban hành khi thành lập các tiểu ban.

Điều 34. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Chương VII. BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 35. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Ban Điều hành bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác (nếu có).
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - b. Không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.
 - c. Có trình độ đại học trở lên, có kiến thức và kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
 - d. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết pháp luật.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Giám đốc:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - b. Là người có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.
 - c. Có trình độ đại học trở lên.
 - d. Các yêu cầu khác theo quy định của HĐQT vào từng thời điểm phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng:

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 18

- a. Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán được quy định tại Điều 52 Luật Kế toán.
 - b. Phải có phẩm chất đạo đức, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
 - c. Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất là hai (02) năm và có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định pháp luật về kế toán.
 - d. Các yêu cầu khác theo quy định của HĐQT vào từng thời điểm phù hợp tình hình hoạt động của Công ty.
5. Người điều hành khác của Công ty phải đáp ứng được các tiêu chuẩn cụ thể tương ứng với từng vị trí bổ nhiệm do Công ty quy định, có năng lực thực hiện và sự miễn cưỡng cần thiết để điều hành các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Điều 36. Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty và phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản, không được làm Giám đốc các doanh nghiệp khác.
3. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết định hoặc phê duyệt, thông qua của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế, tài chính, tư vấn và các hợp đồng khác, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 19

- b. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý/người điều hành khác trong Công ty trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
 - c. Tuyển dụng lao động; Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với các lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý/người điều hành khác thuộc quyền bổ nhiệm của Giám đốc.
 - d. Thực hiện các quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
 - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm tới.
 - f. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty.
 - g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho HĐQT để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
 - h. Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
 - i. Kiến nghị phương án xử lý lỗi trong kinh doanh.
 - j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Quyết định của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc và Pháp luật.
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao hoặc ủy quyền và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 5. HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc khi có ít nhất ba phần tư ($\frac{3}{4}$) thành viên HĐQT biểu quyết tán thành (Giám đốc nếu là thành viên HĐQT thì không được biểu quyết). Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo.
 6. Khi Giám đốc muốn từ chức phải có văn bản gửi HĐQT. Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được văn bản, HĐQT phải xem xét và quyết định.
 7. Trường hợp Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải gửi thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh và cử người phụ trách, điều hành để thay thế. Trong thời hạn tối đa sáu (06)

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 20

tháng kể từ ngày thông báo, HĐQT phải hoàn tất việc tiến hành các thủ tục bổ nhiệm/thuê Giám đốc mới.

Điều 37. Việc bổ nhiệm của người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được bổ nhiệm người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 38. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 40. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS, BĐH

Điều 41. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và BĐH

1. Thành viên BKS, thành viên BĐH (không phải là thành viên HĐQT) có thể được mời hoặc được triệu tập tham gia các cuộc họp của HĐQT khi HĐQT xét thấy việc tham gia này là cần thiết. Trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến BKS, BĐH như đối với thành viên HĐQT. BKS, BĐH có nghĩa vụ trực tiếp hoặc cử thành viên của ban mình tham dự cuộc họp của HĐQT theo như giấy mời, giấy triệu tập.

Thành viên BKS, thành viên BĐH dự họp có thể tham gia thảo luận và tham vấn/tham mưu cho HĐQT nhưng không có quyền biểu quyết. Chủ tịch HĐQT sẽ gửi văn bản thông báo nghị quyết/quyết định của HĐQT cho BKS, BĐH trong thời gian bảy (07) ngày sau khi kết thúc cuộc họp.



[Handwritten signature]

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu:
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ Trang số: 21

2. Khi cần thiết, Giám đốc có thể mời một số thành viên HĐQT, thành viên BKS tham dự cuộc họp của BDH để tham vấn những vấn đề liên quan. Thư mời được gửi cho người được mời như đối với thành viên BDH. BDH sẽ gửi văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho HĐQT, BKS trong thời gian bảy (07) ngày sau khi kết thúc cuộc họp.

Điều 42. Triệu tập HĐQT theo đề nghị của BKS, Giám đốc và người điều hành khác

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban Kiểm soát.
 - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác.
 - c. Thành viên độc lập HĐQT.
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 1 Điều này có quyền triệu tập họp HĐQT.

Điều 43. Báo cáo của Giám đốc đối với HĐQT, BKS

Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT, BKS các vấn đề sau:

1. Tình hình thực hiện nghị quyết/quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ.
2. Kế hoạch thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
3. Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm theo quy định tại Điều lệ Công ty.
4. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho HĐQT để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 22

5. Các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT và BKS.

Điều 44. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, KSV, GD và người điều hành khác

1. Các thành viên HĐQT, BKS, BDH và người điều hành khác sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc vì lợi ích chung của Công ty.
2. Các thành viên HĐQT, BKS, BDH và người điều hành khác sẽ không can thiệp vào công việc điều hành, giám sát theo hệ thống chức năng, nhiệm vụ khác nhau của mỗi đơn vị.

Chương IX. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS VÀ BDH

Điều 45. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT

1. Định kỳ hàng năm, HĐQT phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT căn cứ theo tinh thần, trách nhiệm và hiệu quả thực hiện các công việc được phân công và theo ý kiến đánh giá của BKS.
2. Kết quả đánh giá đối với từng thành viên HĐQT phải được báo cáo ĐHĐCĐ trong cuộc họp gần nhất.

Điều 46. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên BKS

1. Định kỳ hàng năm, BKS phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên BKS căn cứ theo tinh thần, trách nhiệm và hiệu quả thực hiện các công việc được phân công.
2. Kết quả đánh giá đối với từng thành viên BKS phải được báo cáo ĐHĐCĐ trong cuộc họp gần nhất.

Điều 47. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên BDH

1. Định kỳ hàng năm, HĐQT phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động của Giám đốc và các cán bộ quản lý/người điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm trên cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm, có tham khảo ý kiến của BKS.

Kết quả đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và các cán bộ quản lý/người điều hành doanh nghiệp khác được sử dụng làm căn cứ để ĐHĐCĐ, HĐQT xem xét mức khen thưởng, mức thù lao hàng năm cho HĐQT, BKS và BDH.

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 23

Chương X. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 48. Tiêu chuẩn và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT phải sử dụng một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

HĐQT có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong các trường hợp sau:

1. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ.
2. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.
3. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Công ty phải thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Điều khoản thi hành

1. Nếu có bất kỳ quy định nào trong Quy chế này mâu thuẫn với quy định của Điều lệ Công ty, quy định pháp luật thì quy định của Điều lệ Công ty, quy định pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ Quy chế này do HĐQT xem xét và trình ĐHĐCĐ thông qua.
3. Quy chế này bao gồm 11 chương và 52 điều đã được ĐHĐCĐ họp và biểu quyết nhất trí thông qua ngày tháng năm 2018 và thay thế cho Quy chế quản trị Công ty đã ban hành theo Quyết định số 06/QĐ-CPNT2 ngày 06/02/2015.

PVPower NT2	QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY		Mã hiệu: CPNT2-QC- /ĐHĐCĐ
	Ban hành lần thứ: 3	Ngày hiệu lực: / /2018	Trang số: 24

Điều 52. Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch HĐQT ký ban hành.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, các cổ đông và cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Số: 10 /ĐX-CPNT2-BKS

Nhơn Trạch, ngày 05 tháng 3 năm 2018

ĐỀ XUẤT

(V/v: Lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2018 và Báo cáo tài chính năm 2018)

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

I. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015, và các chuẩn mực kế toán Việt Nam;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 10 của Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/12/2017;
- Căn cứ quyết định số 2361/QĐ-BTC ngày 14/11/2017 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho Doanh nghiệp kiểm toán và Kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018;

II. Nội dung đề xuất

Trên cơ sở danh sách các Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán được Bộ tài chính công bố tại Quyết định số 2361/QĐ-BTC ngày 14/11/2017. Ban kiểm soát đề xuất Hội Đồng Quản Trị Công ty phê duyệt lựa chọn danh sách các đơn vị kiểm toán để phát hành thư mời chào giá cạnh tranh thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2018 và Báo cáo tài chính năm 2018 gồm các Công ty như sau:

1. Công ty Ernst & Young Việt Nam
2. Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
4. Công ty TNHH KPMG Việt Nam
5. Công ty TNHH Kiểm Toán VACO.

Trân trọng!

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



NGUYỄN HỮU MINH

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban ĐH, BKS
- Lưu VT, TCKT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ông Ngọc Hải	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Phan Đại Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Phạm Cương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quốc	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2018)
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Việt Thắng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Đức Nhân
Phó Giám đốc Phụ trách
Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Số: 273 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 01 năm 2018 từ trang 3 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0138-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1503-2018-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Độc lập
Đạo đức
Lịch sự
Chính xác

2500-
NHÀ
ĐỒNG
NHIỆM
LỢI
ỆT N
TP.H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.101.036.352.909	5.316.223.172.464
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	145.968.678.560	1.398.468.310.099
1.	Tiền	111		75.968.678.560	133.468.310.099
2.	Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	1.265.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	900.000.000.000	-
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		900.000.000.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.795.329.283.333	3.609.508.630.323
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.682.184.444.895	3.447.445.691.772
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		67.873.214.457	117.366.595.233
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	7	45.271.623.981	44.696.343.318
IV.	Hàng tồn kho	140		259.378.183.413	239.011.186.410
1.	Hàng tồn kho	141	8	259.378.183.413	239.011.186.410
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		360.207.603	69.235.045.632
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	360.207.603	14.504.546.432
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	54.730.499.200
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.863.073.281.689	7.663.690.891.214
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		37.652.707.000	202.139.261.947
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	-	164.486.554.947
2.	Phải thu dài hạn khác	216	7	37.652.707.000	37.652.707.000
II.	Tài sản cố định	220		6.246.942.913.088	6.934.521.012.006
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.220.939.145.368	6.906.903.378.576
	- Nguyên giá	222		11.311.963.520.847	11.307.417.864.097
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.091.024.375.479)	(4.400.514.485.521)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	10	26.003.767.720	27.617.633.430
	- Nguyên giá	228		30.823.217.421	30.823.217.421
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.819.449.701)	(3.205.583.991)
III.	Tài sản dở dang dài hạn	240		3.660.751.905	1.404.275.541
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.660.751.905	1.404.275.541
IV.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	-	-
1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.140.000.000	11.140.000.000
2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.140.000.000)	(11.140.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		574.816.909.696	525.626.341.720
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	13	573.652.857.592	524.433.017.320
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.164.052.104	1.193.324.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		9.964.109.634.598	12.979.914.063.678
(270=100+200)					

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.978.887.563.950	8.071.479.939.962
I. Nợ ngắn hạn	310		2.283.994.389.470	4.309.602.086.664
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	921.725.227.019	2.651.557.360.711
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	109.836.787.507	294.941.869.230
3. Phải trả người lao động	314		22.832.675.474	16.736.277.977
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	103.655.933.906	92.723.792.338
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	44.580.478.404	185.717.509.065
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	1.066.152.126.657	1.044.961.195.732
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.211.160.503	22.964.081.611
II. Nợ dài hạn	330		2.694.893.174.480	3.761.877.853.298
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	2.631.620.466.530	3.697.297.425.589
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	23.281.042.069	23.866.487.990
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		39.991.665.881	40.713.939.719
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.985.222.070.648	4.908.434.123.716
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	4.985.222.070.648	4.908.434.123.716
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.878.760.290.000	2.848.760.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.878.760.290.000	2.848.760.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(457.500.000)	(210.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		137.294.913.354	137.294.913.354
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.969.624.367.294	1.922.588.920.362
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		1.461.987.273.962	1.426.832.624.142
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		507.637.093.332	495.756.296.220
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)			9.964.109.634.598	12.979.914.063.678



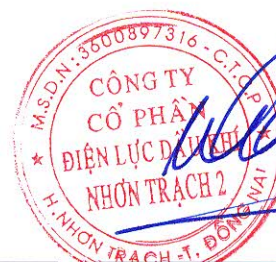
Lê Văn Tú
Người lập biểu



Lê Việt An
Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
Phó Giám đốc Phụ trách
Ngày 31 tháng 01 năm 2018



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01		6.761.129.918.866	7.983.298.417.066
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	24	6.761.129.918.866	7.983.298.417.066
3. Giá vốn hàng bán	11		5.368.441.795.759	6.631.836.154.237
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		1.392.688.123.107	1.351.462.262.829
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	62.995.842.401	103.162.240.788
6. Chi phí tài chính	22	27	489.570.695.744	249.014.358.209
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		120.327.680.247	155.984.410.804
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	113.928.158.596	56.841.564.744
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		852.185.111.168	1.148.768.580.664
9. Thu nhập khác	31		1.454.348.129	760.075.813
10. Chi phí khác	32		200.592.792	1.347.543.540
11. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		1.253.755.337	(587.467.727)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		853.438.866.505	1.148.181.112.937
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	42.996.471.877	62.934.763.783
14. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		29.272.296	(262.005.066)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		810.413.122.332	1.085.508.354.220
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.768	3.740

Lê Văn Tú
 Người lập biểu

Lê Việt An
 Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
 Phó Giám đốc Phụ trách
 Ngày 31 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

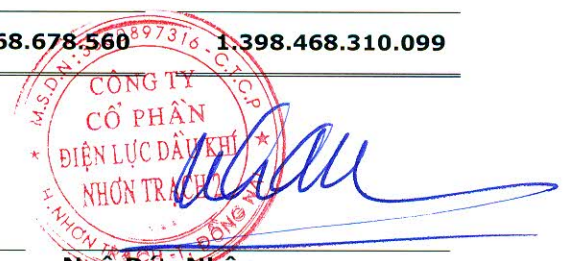
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	853.438.866.505		1.148.181.112.937	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	692.728.914.680		694.373.166.889	
Các khoản dự phòng	03	(585.445.921)		(30.098.378.062)	
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	234.688.984.672		(38.496.893.255)	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(60.863.787.502)		(58.964.396.649)	
Chi phí lãi vay	06	120.327.680.247		155.984.410.804	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.839.735.212.681		1.870.979.022.664	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.033.975.998.362		(1.885.427.380.067)	
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(20.366.997.003)		48.982.004.054	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.837.184.635.295)		2.204.648.970.824	
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(35.075.501.443)		109.154.326.001	
Tiền lãi vay đã trả	14	(123.463.107.866)		(157.273.282.628)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(49.778.892.999)		(80.762.149.701)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(22.873.657.154)		(17.764.464.701)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.784.968.401.283		2.092.537.046.446	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.038.275.513)		(10.638.341.920)	
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	602.113.636		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(900.000.000.000)		-	
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	59.682.076.641		57.241.382.759	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(847.754.085.236)		46.603.040.839	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	30.000.000.000		-	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.330.125.481.812)		(1.060.713.743.759)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(889.588.474.445)		(788.459.445.790)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.189.713.956.257)		(1.849.173.189.549)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.252.499.640.210)		289.966.897.736	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.398.468.310.099		1.108.501.344.977	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.671		67.386	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	145.968.678.560		1.398.468.310.099	



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Lê Việt An
Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
Phó Giám đốc Phụ trách
Ngày 31 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 05 tháng 01 năm 2018.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 186 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 190 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 01 năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

36
C
C
ĐN
NBC
TR

T. T. H. H. H. H. H.
M. S. C. N. D. I. O.
TR
QUAN

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc, thiết bị	05 – 14
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm. Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy và các chi phí trả trước khác, có thời hạn phân bổ trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi, phí cố định và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì máy móc thiết bị; chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Thông tin chi tiết về các khoản trả trước dài hạn liên quan đến các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị; chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị được trình bày ở Thuyết minh số 13.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng theo sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện (EPTC) theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 08 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ("Hợp đồng 07") được ký vào ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung khác của Hợp đồng 07 nói trên. Số liệu doanh thu bán điện này được thông báo trước cho Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và các khoản chênh lệch phát sinh sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi Công ty xác định doanh thu chính xác dựa trên tỷ giá giữa Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam công bố tại ngày phát hành hóa đơn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

77316
TY
AN
AUK
ACH2
T. Đ.

00-
NHÁ
IG T
LIỆM H
OIT
T/N
P. H

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các Công ty trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã nhận được Công văn số 7526/BTC-TCĐN ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính chấp thuận việc sử dụng tỷ giá do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố để quy đổi các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ và đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ phải trả trên báo cáo tài chính của Công ty trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty. Tạm ứng cổ tức trong năm 2017 được Hội đồng quản trị quyết định chi trả cho cổ đông dựa trên (i) tình hình sản xuất - kinh doanh hiện tại và kết quả kinh doanh dự kiến trong năm tới, (ii) mức cổ tức dự kiến năm 2017 đã được Đại hội Cổ đông Thường niên thông qua và (iii) đảm bảo tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam cũng như cân đối được nguồn tiền chi trả và các nghĩa vụ tài chính khác sau khi tạm ứng cổ tức.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	120.412.220	22.500.916
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.848.266.340	133.445.809.183
Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	1.265.000.000.000
	<u>145.968.678.560</u>	<u>1.398.468.310.099</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với thời hạn dưới 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 5% đến 5,5%/năm (năm 2016: từ 4,6% đến 5,5%/năm). Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được tự động gia hạn nếu Công ty không yêu cầu tất toán tại ngày đáo hạn.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 đồng), cụ thể là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 - 6 tháng và được hưởng mức lãi suất 6,0%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty Mua bán Điện (EPTC)	1.682.136.342.319	3.447.370.559.194
- Các khoản phải thu khách hàng khác	48.102.576	75.132.578
	<u>1.682.184.444.895</u>	<u>3.447.445.691.772</u>
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
- Công ty Mua bán Điện (EPTC)	-	164.486.554.947
	<u>-</u>	<u>164.486.554.947</u>

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu là khoản tiền điện tạm tính phải thu Công ty Mua Bán Điện (EPTC) tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 chưa xuất hóa đơn (1.518 tỷ đồng) được xác định theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các phụ lục sửa đổi bổ sung; và khoản tiền điện bổ sung theo giá bán điện chính thức của Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, có kỳ hạn thu hồi dưới 12 tháng (164,5 tỷ đồng).

Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng sẽ thu được toàn bộ số tiền nói trên.

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán Điện (EPTC) (*)	42.153.554.457	42.153.554.457
- Lãi dự thu	2.923.083.335	2.343.486.110
- Tạm ứng cho nhân viên	124.000.000	149.000.000
- Ký cược, ký quỹ	10.000.000	10.000.000
- Phải thu khác	60.986.189	40.302.751
	<u>45.271.623.981</u>	<u>44.696.343.318</u>
b. Dài hạn		
- Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	37.652.707.000	37.652.707.000
	<u>37.652.707.000</u>	<u>37.652.707.000</u>

(*) Phải thu ngắn hạn khác chủ yếu là lãi trả chậm dự thu từ Công ty Mua Bán Điện (EPTC).

Phải thu dài hạn khác thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải trả Nhà nước trong tương lai theo quy định của Luật đất đai. Khoản phải thu dài hạn này được phân loại từ nguyên giá tài sản cố định hữu hình sang các khoản phải thu dài hạn khác theo Quyết định số 35/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

Ngày 20 tháng 10 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 122/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích thuê đất là 423.912,8 m². Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo về việc bù trừ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và tiền thuê đất phải trả Nhà nước.

8. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện giá trị đầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

12/01/2018

10017
CH
CỔ
RÁCHM
DEI
VIỆ
VJ-1

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2.971.262.039.138	8.295.123.823.981	32.215.121.301	8.816.879.677	11.307.417.864.097
Tăng trong năm	-	423.947.990	4.429.454.091	1.048.524.614	5.901.926.695
Điều chỉnh	(2.073.141)	-	-	-	(2.073.141)
Giảm do thanh lý	-	-	(1.354.196.804)	-	(1.354.196.804)
Số dư cuối năm	<u>2.971.259.965.997</u>	<u>8.295.547.771.971</u>	<u>35.290.378.588</u>	<u>9.865.404.291</u>	<u>11.311.963.520.847</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	776.084.707.288	3.599.818.625.232	19.108.866.954	5.502.286.047	4.400.514.485.521
Khấu hao trong năm	148.698.075.405	538.673.667.063	3.082.840.506	1.409.503.788	691.864.086.762
Giảm do thanh lý	-	-	(1.354.196.804)	-	(1.354.196.804)
Số dư cuối năm	<u>924.782.782.693</u>	<u>4.138.492.292.295</u>	<u>20.837.510.656</u>	<u>6.911.789.835</u>	<u>5.091.024.375.479</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày cuối năm	<u>2.046.477.183.304</u>	<u>4.157.055.479.676</u>	<u>14.452.867.932</u>	<u>2.953.614.456</u>	<u>6.220.939.145.368</u>
Tại ngày đầu năm	<u>2.195.177.331.850</u>	<u>4.695.305.198.749</u>	<u>13.106.254.347</u>	<u>3.314.593.630</u>	<u>6.906.903.378.576</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 9.103.987.264 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.680.037.264 đồng).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	21.602.554.546	9.220.662.875	30.823.217.421
Số dư cuối năm	21.602.554.546	9.220.662.875	30.823.217.421
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	3.205.583.991	3.205.583.991
Khấu hao trong năm	-	1.613.865.710	1.613.865.710
Số dư cuối năm	-	4.819.449.701	4.819.449.701
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày cuối năm	21.602.554.546	4.401.213.174	26.003.767.720
Tại ngày đầu năm	21.602.554.546	6.015.078.884	27.617.633.430

Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài là quyền sử dụng đất tại khu đất thuộc Chung cư CC1.2 - Đơn vị ở số 1 - Khu dân cư Phước An - Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Giá trị phần mềm gồm giá trị của hệ thống quản lý bảo trì, quản lý vật tư thiết bị tài sản nhà máy, phần mềm kế toán SAP và website công ty.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nghiên cứu hệ thống giảm thiểu khí CO ₂	1.406.363.636	-
Đầu tư xây dựng cơ bản	2.254.388.269	1.404.275.541
	3.660.751.905	1.404.275.541

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí nghiên cứu, đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm các tài sản cố định phải trải qua quá trình lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng trong năm.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), vào vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco") tính đến 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài Chính. Cơ sở trích lập dự phòng là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Sopewaco. Khoản lỗ lũy kế của Sopewaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã cao hơn vốn điều lệ của Sopewaco. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm nhà máy	-	14.148.091.059
Chi phí khác	360.207.603	356.455.373
	360.207.603	14.504.546.432
b. Dài hạn		
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng	219.975.968.939	284.363.481.902
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị	177.473.528.484	208.742.615.755
Chi phí trung tu nhà máy điện cần phân bổ	-	10.951.128.462
Chi phí đại tu nhà máy điện cần phân bổ	147.015.945.192	-
Phí bảo hiểm nhân thọ	6.291.666.667	13.841.666.667
Chi phí khác	22.895.748.310	6.534.124.534
	573.652.857.592	524.433.017.320

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy, có thời hạn bảo hiểm trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí:

- Chi phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ. Phí bảo hiểm của các khoản vay này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn vay của các khoản vay dài hạn.
- Chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ (EOH). Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định được thanh toán trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo số giờ EOH thực tế phát sinh.
- Chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 phát sinh khi nhà máy đạt đến 50.000 giờ vận hành EOH và Công ty phải thực hiện việc đại tu theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí đại tu này được ghi nhận và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ phát sinh 25.000 giờ vận hành EOH tiếp theo.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5%	5%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.164.052.104	1.193.324.400
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.164.052.104	1.193.324.400

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả bên liên quan				
- Tổng Công ty Khí Việt Nam	803.144.467.801	803.144.467.801	2.587.804.650.220	2.587.804.650.220
- Cổ phần dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí Việt Nam	70.832.511.352	70.832.511.352	51.658.974.760	51.658.974.760
- Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	454.403.426	454.403.426	454.403.426	454.403.426
- Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	1.140.250.000	1.140.250.000	1.140.250.000	1.140.250.000
- Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	-	787.743.000	787.743.000
- Công ty Cổ phần PVI	-	-	75.000.000	75.000.000
- Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí	683.650.652	683.650.652	-	-
- Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	63.345.450	63.345.450	-	-
	876.318.628.681	876.318.628.681	2.641.921.021.406	2.641.921.021.406
b. Các khoản phải trả bên thứ ba				
Các đối tượng khác	45.406.598.338	45.406.598.338	9.636.339.305	9.636.339.305
	921.725.227.019	921.725.227.019	2.651.557.360.711	2.651.557.360.711

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	283.444.000.385	70.000.384.114	248.142.231.776	105.302.152.723
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.678.892.999	42.996.471.877	49.778.892.999	896.471.877
Thuế thu nhập cá nhân	562.140.090	11.288.767.876	11.289.859.327	561.048.639
Thuế tài nguyên	2.804.624.910	30.729.345.930	30.458.013.840	3.075.957.000
Thuế nhập khẩu	-	12.891.579.456	12.891.579.456	-
Các loại thuế khác	452.210.846	14.303.494.465	14.754.548.043	1.157.268
	294.941.869.230	182.210.043.718	367.315.125.441	109.836.787.507

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí bảo trì	81.238.231.701	70.809.211.912
Lãi vay tính trước	8.720.675.781	10.435.851.361
Khác	13.697.026.424	11.478.729.065
	103.655.933.906	92.723.792.338

Chi phí phải trả ngắn hạn chủ yếu là chi phí bảo trì, sửa chữa nhà máy được trích theo thoả thuận chuyển giao và hợp đồng sửa đổi của hợp đồng sửa chữa dài hạn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; liên danh Siemens AG/Siemens Ltd Viet Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 giờ EOH cho mỗi tổ máy.

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi chậm thanh toán phải trả	39.278.284.374	39.278.284.374
Tổng Công ty Khí Việt Nam		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.751.488.460	145.862.287.505
Phải trả khác	550.705.570	576.937.186
	44.580.478.404	185.717.509.065

19. VAY

	Vay dài hạn	Các khoản vay
	đến hạn trả	dài hạn
	VND	VND
Số dư đầu năm		
- Giá trị	1.044.961.195.732	3.697.297.425.589
- Số có khả năng trả nợ	1.044.961.195.732	3.697.297.425.589
Trong năm		
- Tăng	1.117.183.001.985	221.556.981.109
+ Chuyển từ các khoản vay dài hạn	1.053.100.529.416	-
+ Chênh lệch tỷ giá hối đoái	64.082.472.569	221.556.981.109
- Giảm	1.095.992.071.060	1.287.233.940.168
+ Chuyển sang các khoản vay dài hạn đến hạn trả	-	1.053.100.529.416
+ Thanh toán trong năm	1.095.992.071.060	234.133.410.752
Số dư cuối năm		
- Giá trị	1.066.152.126.657	2.631.620.466.530
- Số có khả năng trả nợ	1.066.152.126.657	2.631.620.466.530

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo đối tượng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
HERMES, CIRR, NEXI và Citibank	3.697.772.593.187	4.461.298.558.270
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh		
Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ		
Chí Minh	-	171.880.226.826
Ngân hàng TMCP Phát triển Việt		
Nam - Chi nhánh Cộng Hòa	-	109.079.836.225
	3.697.772.593.187	4.742.258.621.321

Ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010, Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank, với Citibank là ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.380.981 đô la Mỹ và 202.585.883 euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01 tháng 6 năm 2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 78.408.979 đô la Mỹ và 70.845.796 euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 100.885.760,9 đô la Mỹ và 91.381.201,78 euro).

Ngày 08 tháng 02 năm 2017, Công ty đã ký Biên bản đàm phán với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện trả nợ trước hạn với hợp đồng tín dụng ký ngày 24 tháng 4 năm 2013 về việc tài trợ đầu tư xây dựng Nhà máy điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Theo đó, số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được thanh toán hết.

Ngày 14 tháng 02 năm 2017, Công ty đã ký Biên bản đàm phán với Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cộng Hòa về việc trả nợ trước hạn với hợp đồng tín dụng số 0210/2014/HĐTDTDH/DN ngày 15 tháng 5 năm 2014 về việc tài trợ khoản vay đầu tư dự án xây dựng Nhà máy điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Theo đó, số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được thanh toán hết.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.066.152.126.657	1.044.961.195.732
Trong năm thứ hai	1.066.152.126.657	1.044.961.195.732
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.565.468.339.873	2.605.509.428.301
Sau năm năm	-	46.826.801.556
	3.697.772.593.187	4.742.258.621.321
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.066.152.126.657)	(1.044.961.195.732)
Số phải trả sau 12 tháng	2.631.620.466.530	3.697.297.425.589

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Khoản dự phòng phải trả dài hạn phản ánh các chi phí trích trước để thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ Nhà máy điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 - PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 giờ (EOH) cho mỗi tổ máy.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	287.876.029	284.876.029
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	<u>287.876.029</u>	<u>284.876.029</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.709.260.800.000	59,37%	1.709.260.800.000	60,00%
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	237.961.150.000	8,27%	237.961.150.000	8,35%
Các cổ đông khác	931.538.340.000	32,36%	901.538.340.000	31,65%
	2.878.760.290.000	100%	2.848.760.290.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Số đầu năm	2.739.198.430.000	(113.000.000)	79.801.049.931	1.949.571.666.106	4.768.458.146.037
Tăng vốn trong năm	109.561.860.000	-	-	(109.561.860.000)	-
Phân phối quỹ từ lợi nhuận	-	-	57.081.386.064	(77.081.386.064)	(20.000.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.085.508.354.220	1.085.508.354.220
Cổ tức được chia	-	-	-	(925.847.853.900)	(925.847.853.900)
Tăng/(Giảm) khác	-	(97.000.000)	412.477.359	-	315.477.359
Số dư cuối năm	2.848.760.290.000	(210.000.000)	137.294.913.354	1.922.588.920.362	4.908.434.123.716
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Số dư đầu năm	2.848.760.290.000	(210.000.000)	137.294.913.354	1.922.588.920.362	4.908.434.123.716
Tăng vốn trong năm	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Phân phối quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	(14.900.000.000)	(14.900.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	810.413.122.332	810.413.122.332
Cổ tức được chia	-	-	-	(748.477.675.400)	(748.477.675.400)
Giảm khác	-	(247.500.000)	-	-	(247.500.000)
Số dư cuối năm	2.878.760.290.000	(457.500.000)	137.294.913.354	1.969.624.367.294	4.985.222.070.648

Theo Quyết định số 04/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã phê duyệt Phương án thực hiện và Quy chế phát hành 3 triệu cổ phiếu lựa chọn cho người lao động với giá mua tương ứng mệnh giá 10.000 đồng, với thời gian hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành. Theo thông báo số 402/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, số lượng cổ phiếu trên đã được chấp thuận niêm yết kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2017 và số lượng cổ phiếu tăng thêm chính thức được giao dịch từ 26 tháng 02 năm 2018.

Theo Nghị quyết số 09/NQ-CPNT2 ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, Công ty đã chia cổ tức bổ sung từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 với số tiền 460.601.646.400 đồng, tương ứng với 16% mệnh giá một cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Theo Nghị quyết số NQ 21/NQ-CPNT2 ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền theo tỷ lệ 10% mệnh giá một cổ phần tương ứng với số tiền 287.876.029.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 của Công ty.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.



22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	267,88	268,20
Euro	EUR	6,94	6,99

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

Doanh thu thuần trong năm bao gồm doanh thu bán điện trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo giá bán điện dựa vào cơ chế giá khí thị trường đã được quy định trong Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 08 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2.

Doanh thu bán điện trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2017 được ghi nhận theo tỷ giá tại ngày xuất hóa đơn. Doanh thu bán điện cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa xuất hóa đơn, được ghi nhận theo tỷ giá tạm tính tại thời điểm báo cáo. Do vậy, phần chênh lệch doanh thu bán điện giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ được điều chỉnh chính xác và ghi nhận sau khi tỷ giá được xác định chắc chắn.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.151.172.026.950	5.420.892.853.967
Chi phí nhân công	88.017.317.131	70.674.413.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	692.728.914.680	694.373.166.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	473.604.653.252	447.934.096.070
Chi phí khác bằng tiền	76.847.042.342	54.803.188.608
	5.482.369.954.355	6.688.677.718.981

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	60.261.673.866	58.964.396.649
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.734.168.535	44.197.844.139
	62.995.842.401	103.162.240.788

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	120.327.680.247	155.984.410.804
Phí bảo hiểm khoản vay	64.387.512.963	64.157.600.911
Lỗ chênh lệch tỷ giá	290.246.330.109	12.202.150.547
Phí bảo lãnh chính phủ cho khoản vay	11.444.426.845	13.269.968.354
Khác	3.164.745.580	3.400.227.593
	489.570.695.744	249.014.358.209

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	39.296.647.752	31.893.297.241
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.539.619.478	2.442.749.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.815.631.479	9.882.430.539
Thuế, phí và lệ phí	777.447.572	651.600.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.698.382.871	35.046.388.741
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.800.429.444	12.263.577.836
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(35.338.479.375)
	113.928.158.596	56.841.564.744

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	42.996.471.877	57.760.073.651
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	5.174.690.132
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42.996.471.877	62.934.763.783

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay			Năm trước
	Hoạt động chính	Hoạt động khác	Tổng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	852.185.111.168	1.253.755.337	853.438.866.505	1.148.181.112.937
Cộng: Các chi phí không được khấu trừ	2.721.281.490	2.008.054	2.723.289.544	5.392.633.938
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(8.671)	-	(8.671)	(67.386)
Thu nhập tính thuế	854.906.383.987	1.255.763.391	856.162.147.378	1.153.573.679.489
Thuế suất	5%	20%		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	42.745.319.199	251.152.678	42.996.471.877	57.760.073.651
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	-	-	-	5.174.690.132
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.745.319.199	251.152.678	42.996.471.877	62.934.763.783

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính) trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 20% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm thứ bảy Công ty có thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và là năm thứ ba được giảm 50% số thuế phải nộp.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2016: 20%) tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	810.413.122.332	1.085.508.354.220
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(14.900.000.000)	(20.000.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	795.513.122.332	1.065.508.354.220
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	287.391.097	284.876.029
để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.768	3.740

31. CAM KẾT BÁN HÀNG

Công ty đã ký kết với Công ty Mua Bán Điện (EPTC) bằng Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều động của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua Bán Điện (EPTC) trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	3.697.772.593.187	4.742.258.621.321
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(145.968.678.560)	(1.398.468.310.099)
Nợ thuần	3.551.803.914.627	3.343.790.311.222
Vốn chủ sở hữu	4.985.222.070.648	4.908.434.123.716
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,71	0,68

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.968.678.560	1.398.468.310.099
Các khoản đầu tư ngắn hạn	900.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.764.984.775.876	3.694.132.297.037
	2.810.953.454.436	5.092.600.607.136
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.697.772.593.187	4.742.258.621.321
Phải trả người bán và phải trả khác	966.107.814.127	2.837.058.842.603
Chi phí phải trả	103.655.933.906	92.723.792.338
	4.767.536.341.220	7.672.041.256.262

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi số của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<i>Đôla Mỹ (USD)</i>	6.071.499	6.093.504	1.777.139.576.768	2.292.124.551.754
<i>Euro (EUR)</i>	188.143	165.926	1.920.633.016.419	2.169.174.120.495

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá theo biến động tỉ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
USD	53.314.005.158	68.763.553.748
EUR	57.618.984.848	65.075.218.637

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện dưới đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm/tăng 73.955.451.864 đồng (năm 2016: 89.225.973.445 đồng).

Quản lý rủi ro về giá khí gas nguyên liệu

Công ty mua khí gas nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để sản xuất điện. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của khí gas nguyên liệu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu do bán điện cho Công ty Mua Bán Điện (EPTC) phát sinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 01 năm. Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 33 và một khách hàng lớn như trình bày tại Thuyết minh số 6.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.968.678.560	-	145.968.678.560
Các khoản đầu tư ngắn hạn	900.000.000.000	-	900.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.727.332.068.876	37.652.707.000	1.764.984.775.876
	2.773.300.747.436	37.652.707.000	2.810.953.454.436
Các khoản vay	1.066.152.126.657	2.631.620.466.530	3.697.772.593.187
Phải trả người bán và phải trả khác	966.107.814.127	-	966.107.814.127
Chi phí phải trả	103.655.933.906	-	103.655.933.906
	2.135.915.874.690	2.631.620.466.530	4.767.536.341.220
Chênh lệch thanh khoản thuần	637.384.872.746	(2.593.967.759.530)	(1.956.582.886.784)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.398.468.310.099	-	1.398.468.310.099
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.491.993.035.090	202.139.261.947	3.694.132.297.037
	4.890.461.345.189	202.139.261.947	5.092.600.607.136
Các khoản vay	1.044.961.195.732	3.697.297.425.589	4.742.258.621.321
Phải trả người bán và phải trả khác	2.837.058.842.603	-	2.837.058.842.603
Chi phí phải trả	92.723.792.338	-	92.723.792.338
	3.974.743.830.673	3.697.297.425.589	7.672.041.256.262
Chênh lệch thanh khoản thuần	915.717.514.516	(3.495.158.163.642)	(2.579.440.649.126)

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")	Công ty mẹ của Chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần PVI	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	Công ty cùng Tập đoàn
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam – Trung tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Mua hàng và dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	3.924.918.819.671	3.957.414.414.638
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	48.594.666.386	282.317.453.755
Công ty Cổ phần PVI	32.286.476.653	72.663.643.810
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	3.542.419.480	2.178.824.300
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí	621.500.593	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	-	91.368.000
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	21.030.199.487	837.361.000
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.328.589.676	121.673.105
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	11.481.811.129	12.018.097.405
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	370.103.976	245.130.127
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	290.000.000	20.000.000
Thu nhập tài chính		
Lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	2.499.902.931	8.635.391.039
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	529.870.848.000	535.787.520.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	8.543.067.043	8.011.028.468

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu thương mại		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	5.776.664	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	31.828.712	67.088.178
Trả trước nhà cung cấp		
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	360.360.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	64.370.973.636	112.673.620.800
Phải thu khác		
Lãi dự thu từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	32.222.222
Phải trả thương mại		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	803.144.467.801	2.587.804.650.220
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	70.832.511.352	51.658.974.760
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	454.403.426	454.403.426
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	1.140.250.000	1.140.250.000
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	63.345.450	-
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	787.743.000
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí	683.650.652	-
Công ty Cổ phần PVI	-	75.000.000
Phải trả khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	39.278.284.374	39.278.284.374
Đầu tư tài chính		
Tiền gửi có kỳ hạn tại NH TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	80.000.000.000

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 2.923.083.335 đồng (năm 2016: 2.343.486.110 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 8.720.675.781 đồng (năm 2016: 10.435.851.361 đồng) là số tiền lãi phải trả mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi của các khoản phải trả.

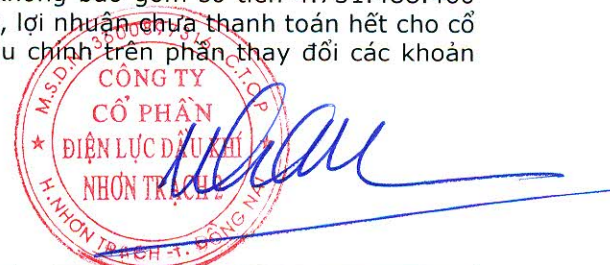
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 4.751.488.460 đồng (năm 2016: 145.862.287.505 đồng) là số cổ tức, lợi nhuận chưa thanh toán hết cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Lê Việt An
Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
Phó Giám đốc Phụ trách
 Ngày 31 tháng 01 năm 2018